

NHỮNG NGƯỜI CON CỦA THĂNG LONG XƯA:

Đệ nhất thi sĩ Nguyễn Du viết về

Đệ nhất đào nương: Cô Cầm

Long Thành Cầm Giả Ca (Bài ca nàng Cầm ở Long Thành)

Thi hào Nguyễn Du sinh năm Ất Dậu (1765) tại Phường Bích Câu, thành Thăng Long, nguyên quán làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, châu Hoan. Ông là Nguyễn Nghiễm làm quan tới chức Tham Tụng chính phủ chúa Trịnh (tức Tể Tướng triều Lê), mẹ là Trần thị Tần, vợ thứ ba, người sứ Kinh Bắc. Qua bao nhiêu thăng trầm cùng lịch sử, từ triều đại vua Lê chúa Trịnh, tới nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn... Năm 1813 Nguyễn Du trở thành Chánh sứ triều Nguyễn, cùng sứ đoàn sang Trung Hoa tiến công. Khi đi ngang qua Bắc Thành, quan Tuyên Phủ mở tiệc khoản đãi, ông được nghe lại khúc đàn hai mươi năm trước, tấu lên bởi chính người danh cầm ngày xưa. Xúc cảm đầy lòng, Nguyễn Du viết bài trường ca rất nổi tiếng này.

Bài ca này đã từng được nhiều nhà nghiên cứu viết thơ dịch, thường là theo thể lục bát hoặc song thất lục bát, theo âm hưởng của Kiều... và một vài bản theo thể thất ngôn trường thiên. Nhưng thời nào vẫn có những tìm kiếm, những cách viết mới, cách hiểu mới. Bài này là một thí dụ:

Long Thành cầm giả ca

Long Thành giai nhân,
Tính thị bất ký thanh.
Độc thiện Nguyễn cầm,
Cử thành chi nhân dĩ Cầm danh.
Học đắc tiên triều cung trung Cung Phụng khúc,

Tự thị thiên thượng nhân gian đệ nhất thanh.
Dư ức thiếu thời tăng nhất kiến,
Giám hồ hồ biên dạ khai yên.
Kỳ thời tam thất chánh phượng niên,
Hồng trang yểm ái đào hoa diện.
Đà nhan hám thái tối nghi nhân,
Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biến.
Hoãn như sơ phong độ tùng lâm,
Thanh như song hạc minh tại âm.
Liệt như Tiên Phúc bi đầu toái phích lịch,
Ai như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngâm.
Thính giả mi mi bất tri quyện,
Tiện thị Trung Hoà đại nội âm.
Tây Sơn chư thần mãn tọa tận khuynh đảo,
Triệt dạ truy hoan bất tri bão.
Tả phao hữu trịch tranh triền đầu,
Nê thổ kim tiền thù thảo thảo.
Hào hoa ý khí lãng công hầu,
Ngũ lãng thiếu niên bất túc đạo.
Tính tương tam thập lục cung xuân,
Hoạt tổ Trường An vô giá bảo.
Thử tịch hồi đầu nhị thập niên,
Tây Sơn bại hậu, dư nam thiên.
Chỉ xích Long Thành bất phục kiến,
Hà hướng thành trung ca vũ diên,
Tuyên phủ sứ quân vị dư trùng mãi tiếu,
Tịch trung ca kỹ giai niên thiếu.
Tịch mặt nhất nhơn phát bán hoa,
Nhan sáu thần khô, hình lược tiếu,
Lang tạ tàn my bất sức trang,
Thùy tri tự thị đương thời thành trung đệ nhất diệ.
Cự khúc tân thanh ám lệ thùy,

Nhĩ trung tĩnh tĩnh tâm trung bi,
Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên tiền sự,
Giám hồ tịch trung tầng kiến chi.
Thành quách thôi di nhân sự cải,
Kỷ xứ tang điền biến thương hải,
Tây Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong,
Ca vũ không di, nhất nhân tại.
Thuấn tức bách niên năng kỷ thì,
Thương tâm vãng sự lệ triêm y.
Nam hà quy lai đầu tận bạch,
Quái đễ giai nhân nhan sắc suy.
Song nhân trùng trùng không tưởng tượng,
Khả liên đối diện bất tương tri.

Thơ dịch:

Bài Ca Nàng Cầm Ở Long Thành

Người đẹp Long Thành
Tên họ chẳng ghi lại rõ ràng
Giỏi nhất đàn Nguyễn cầm
Người trong thành gọi cô Cầm, nên danh
Học được trong cung triều xưa khúc Cung
Phụng
Trên trời dưới thế tuyệt vời âm thanh
Nhớ xưa tuổi trẻ từng thấy đến
Bên bờ Hồ Giám đêm tiệc yến
Áo hồng chìm dưới mặt hoa đào
Mới vừa hai một mùa xuân điểm
Đáng yêu má rượu đỏ hây hây
Năm cung biến tấu tay luân chuyển
Tiếng khoan như gió thoảng rừng thông
Trong như đôi hạc kêu đêm không
Mạnh như sét đánh tan bia đá
Buồn như Trang ôm Việt ngâm nồng
Người nghe say sưa hồn thu hút
Đúng là Trung Hoà Đại Nội Cung Phụng khúc
Quan khách Tây Sơn thoả thích ngồi ngất ngây
Say sưa đắm đuối năm canh suốt
Tả hữu tranh nhau gieo thưởng tiền
Bạc vàng như đất quặng như rác
Hào hoa sang cả át vương hầu
Thiếu niên Ngũ Lãng thắm vào đầu !
Mình nàng ba mươi sáu cung chung đúc
Lung linh vô giá Thăng Long bảo châu

Đêm tiệc đã qua hai mươi năm
Tây Sơn thất bại, ta vào nam
Gang tắc Long Thành chẳng thấy lại
Nửa là Hồ Giám chiếu ca ngâm
Đêm nay, Tuyên Phủ vì ta mở tiệc mua vui, vời
ca kỹ
Đầy chiếu đào nương tuổi xuân thì
Cuối chiếu có nàng tóc pha bạc
Võ vàng nhỏ bé mặt ủ ê
Sắc tàn mi ủa không trang điểm
Ai biết tài hoa bạc nhất chốn Kinh kỳ ?
Khúc xưa thánh thót ẩn lệ rơi
Lọt tai, lắng tiếng, dạ bồi hồi
Bỗng nhớ chuyện xưa hai mươi năm về trước
Hồ Giám chiếu hát từng thấy người
Thành quách tàn đi, người thay đổi
Bao nhiêu ruộng dâu thành biển khơi
Tây Sơn cơ nghiệp tan tành hết
Đào nương còn đó một nàng thôi
Trăm năm thoáng chốc đáng bao nhi?
Đau lòng ướm áo lệ trào mi
Nam Hà trở lại ta trắng tóc
Lạ gì người đẹp sắc phai đi
Đời mắt trùng trùng không tưởng nổi
Thương ơi, đối diện chẳng biết gì !

Bình chú

Long Thành là thành Thăng Long, lúc đó còn gọi là Bắc Thành.
Nguyễn cầm: Đàn nguyệt.
Giám hồ: Hồ ở khu Quốc Tử Giám, Văn miếu.
Xưa vùng này có một loạt hồ thông nhau, tổng cộng rộng hơn Hồ Tây. Hiện nay hãy còn di tích Hồ Văn thuộc Giám.
Yểm ái : Ám mạo, nghĩa là bị mờ đi vì..
Trung Hoà Đại Nội: Cung điện thuộc nội thành Thăng Long rất huy hoàng lộng lẫy của các vua nhà Lê xưa. Chắc rằng khi Nguyễn Du còn nhỏ, ông đã được thấy điện trước khi những cuộc chiến tranh tàn khốc xảy ra, cũng như lệnh vua Gia Long phá thành Thăng Long xây mới.
Ngũ Lãng: Khu mộ nhà Hán xưa, nơi bọn tài tử trẻ tuổi thường đến chơi.
Tuyên Phủ : Quan trấn thủ Bắc Thành.

Nam Hà: Phía nam của sông Cái, chỉ Thuận Hoá, nơi Nguyễn Du đang làm quan với nhà Nguyễn.

Trước bài Long Thành Cẩm Giả Ca, Nguyễn Du viết một bài Tiểu Dẫn văn xuôi. trong đó thi nhân mô tả sắc đẹp, tính cách nàng Cẩm và những lần ông gặp gỡ nàng: Ngoài hai lần đầu và cuối tả trong bài thơ, còn có những lần được nghe nàng đàn hát ở nhà Nguyễn Nể, anh ông, đang làm quan cho nhà Tây Sơn ở Thăng Long. Sau cùng là những xúc động khi gặp lại nàng Cẩm bây giờ tiều tụy, khiến ông làm bài thơ này.

Mở đầu bài thơ, thi hào giới thiệu và mô tả nàng Cẩm tươi đẹp rực rỡ trong bữa tiệc yến mời quan khách Tây Sơn bên Hồ Giám:

Áo hồng chìm dưới mặt hoa đào

Mới vừa hai một mùa xuân điếm
Đáng yêu má rượu đỏ hây hây...

Đây cũng là lần đầu Nguyễn Du được thưởng thức khúc đàn mê hoặc do bàn tay nghệ sĩ lịch lãm của cô trình tấu:
Năm cung biến tấu tay luân chuyển...

Nào khoan, nào nhặt, nào trong trẻo, nào mạnh mẽ, nào trầm buồn...
Tương như trên trời dưới thế tuyệt vời âm thanh...

Tiếng đàn lung linh đầy màu sắc đã lên đến tuyệt đỉnh của nghệ thuật, đời người may mắn lắm cũng chỉ được nghe một vài lần. Đối với một nghệ sĩ tinh tế vượt bậc như Nguyễn Du thì những âm thanh được nghe đó, không thể nào quên.
Người nghe say sưa hồn thu hút
Đúng là Trung Hoà Đại Nội Cung Phụng khúc
Quan khách Tây Sơn thoả thích ngồi ngất ngây
Ham vui không chán năm canh suốt....

Riêng lòng ông khắc sâu tài nghệ và hình ảnh người đào nương đệ nhất:
Mình nàng ba mươi sáu cung xuân đúc

Long lanh vô giá Thăng Long bảo châu

Nhà Tây Sơn tan vỡ, riêng ta từ đó vào Nam, nào có bao giờ được thấy lại Thăng Long? Hai mươi năm đã qua đi, đêm nay, lần đầu được trở lại cố đô, trong dạ yến chiêu đãi của Tuyên Phủ Bắc Thành, bỗng thoáng đâu tiếng đàn trời bài nhạc cũ, thi sĩ lập tức lắng nghe... Ôi có lẽ nào! Chính khúc đàn xưa đang rung lên trong không gian, như đánh thức tâm tư sâu thẳm của người nghe, kêu gọi tới tận những niềm riêng đã từ lâu im ắng... Thật bất ngờ, quá khứ không đợi mà quay về, như những đợt sóng vỗ vào bờ đá, trùng trùng không dứt, tung lên dạt xuống, dầy vò kẻ tha hương vừa về lại chốn xưa... Tất cả quá khứ hiện tại, hiện tại quá khứ suốt hai mươi năm loạn ly đầy biến động như trộn lẫn vào nhau, cùng hiện hiện trong lòng thi sĩ.: Quá khứ thời Tây Sơn khi ông lần đầu được nghe nàng đàn, và quá khứ của quá khứ vì khúc đàn đó chính là khúc Cung Phụng của Đại Nội Triều Lê. Và lạ lùng thay, âm thanh du dương kia còn ản ản giọt lệ tủi hờn:
Thánh thốt khúc xưa ản lệ rơi
Lọt tai lắng tiếng dạ bồi hồi...

Nguyễn Du rung động theo tiếng đàn, chơi vui giữa bây giờ và ngày ấy. Sự tinh tế đã lên đến tuyệt đỉnh của cả người tấu nhạc lẫn người nghe, dù rằng, thi hào chỉ biết người tấu đàn đêm nay đang ngồi cuối chiếu:

Cuối chiếu có nàng tóc pha bạc
Võ vàng nhỏ bé mặt ủ ê
Sắc tàn mi ủa không trang điếm..

Nhưng trong lòng, ông thấy hình bóng Cô Cẩm và những ngày xưa :
Bỗng nhớ chuyện xưa hai mươi năm về trước
Hồ Giám đêm hát từng thấy người

Tiếng đàn đêm tiệc ám ảnh quá sâu xa, khiến cho quan chánh sứ phải tìm người dò hỏi. Khi được biết kẻ chơi đàn tiều tụy kia chính là Cô Cẩm ngày cũ, ông vỡ oà niềm thương xót:
Nam Hà trở lại, ta trắng tóc

Lạ gì người đẹp sắc phai đi
Đôi mắt trùng trùng lòng tưởng nhớ
Thương ôi, đôi diện chẳng biết gì!

Câu kết này trong nguyên tác là: Khả liên
đôi diện bất tương tri.

Nghĩa là: Thương thay đôi mắt mà hai
người cùng không nhận ra nhau.

Riêng tôi, tôi nghĩ đúng là Nguyễn Du
không nhận ra cô Cầm, nhưng chắc ông không
ngờ rằng “Chắc chắn Cô Cầm có nhận ra
Nguyễn Du”! Bởi vì dạ tiệc đêm nay, Nguyễn
Du là khách chính, là quan chánh sứ do vua Gia
Long gửi đi. Ông lại là một người “Thăng Long
cũ”, một danh sĩ danh gia vọng tộc bậc nhất thời
Lê Trịnh, trong thành không ai không biết tiếng.
Còn đối với cô Cầm, ông chính là người bạn tri
âm tuyệt vời từng say mê tiếng đàn của cô hai
mươi năm về trước. Trong đời người nghệ sĩ,
tri âm không dễ có hai người, làm sao cô quên
được Nguyễn Du! Nhưng đêm nay, ông đang
ngồi trên chiếc chiếu cao nhất của buổi tiệc
trong dinh quan Tuyên Phủ, thì dù cô biết rõ
ràng đến mấy cũng không thể đứng ra nhận
người bạn cũ, nhất là ... “nhân sắc ta đang vô
cùng tàn úa thế này!”.

Khi đã biết được ai đang ngồi đó, cô Cầm
hiểu rằng đây là cơ hội đẹp nhất mà cuộc đời
còn dành lại cho cô, khi đã tàn phai nhan sắc:
“Cô lại được đàn cho Nguyễn Du nghe!” Ôi! chỉ
có một lần này, một lần cuối này nữa thôi, cô
còn có thể gửi lòng qua tiếng đàn tới người tri
âm đó!. Cho nên, tiếng đàn mới “nức nở” đường
ấy, mới “ân lệ rơi” đường ấy. Cho nên, Nguyễn
Du, lúc đó dù chưa nhận ra cô Cầm, đã hiểu
thâm ý của tiếng đàn, hiểu hồn người tấu nhạc,
ông đã lập tức cảm thấy lòng đầy thương xót
(tâm trung bi), và để lại cho hậu thế chúng ta
một bài thơ thần sầu đến như thế.

Nhưng chưa hết, ngoài cô Cầm, Nguyễn Du
còn thương đến cả sự sụp đổ của triều đại Tây
Sơn. Quân Tây Sơn nguyên là kẻ thù của ông, là
kẻ đánh tan tành cả triều đại vua Lê chúa Trịnh,
“cố quốc” của ông, kẻ đốt phá tàn rụi quê hương
Tiên Điền, kẻ giết anh Nguyễn Quýnh ... Nhưng,

đối với người thơ, “kẻ thù ta không phải là
người”, trước sự đau khổ đắng cay của nhân thế,
lòng ông không hề thù hận ai cả, mà trái lại
thông cảm họ, hiểu công lao của họ đã đánh tan

hai mươi vạn quân Thanh. Trước sự tan vỡ
của họ, không phân biệt ta, người, ông hoà lòng
ông với nỗi lòng đau của họ, trở thành họ.
Những quan khách Tây Sơn ngày xưa, sao mà
hào sảng, triều đại Tây Sơn ngày xưa sao mà
anh hùng... Cơ nghiệp ấy đã tan tành trong chớp
nhoàng!. Nguyễn Du khóc, thương cho quân
thần Tây Sơn, thương cho con người trước cảnh
vô thường... không phải thi sĩ khóc nhỏ lệ sục
sùi, rơm rớm nước mắt, mà là con khóc ngất, xé
lòng, đầm đìa nước mắt, ướt áo đầm khăn:

Cơ nghiệp Tây Sơn tan tành hết
Đào nương còn đó một nằng thôi
Trăm năm thoáng chốc đáng bao nhĩ
Đau lòng ướt áo lệ trào mi...

Đọc những câu này, quả thật, lúc đầu tôi đã
không hiểu vì sao mà Nguyễn Du không thù hận
Tây Sơn. Có người đã bảo tôi là: “Đó là cái
“hèn” của thư sinh chứ còn gì nữa!”. Nhưng, từ
khi nghe Đức Đạt Lai Đạt Ma của Tây Tạng nói
rằng: Đối với những người chiếm nước ngài,
muốn Hán hoá dân ngài, vì muốn dẹp tan sự
chống đối, đã đối sử bạo ngược với biết bao
người dân đau khổ, bạo ngược ngay cả với
chính ngài... Ngài đã giữ lòng không thù hận
với người đã ra tay, ngài đã không đòi độc lập,
chỉ xin cho giữ lại văn hoá, xin đừng đồng hoá
dân tôi...

Từ đó, tôi mới hiểu lòng Nguyễn Du, ông
không những không thù hận mà còn thương
người, đau cái đau của người... và cho tôi biết
thế nào là Tâm Đại Bi hùng tráng. Cho nên, tôi
chỉ còn biết tán thán: Ôi tâm lòng thanh tịnh
không hận thù của các vị bồ tát!

PHẠM THẢO NGUYỄN

(New York)

NỒI CƠM ĐIỆN CỦA BÉ THÙY

TÔN NỮ MẶC GIAO

** Viết theo lời kể của một bố mẹ khổ đau. Nạn nhân cuộc “giải phóng miền Nam” của cộng sản Bắc Việt.*

Hạnh vất vả lắm mới chui được ra khỏi chiếc xe buýt chật đầy những người là người, nằng bực tức, vừa đưa tay phải lấy phải để đàng sau mông mình, vừa đưa mắt nhìn theo chiếc xe buýt lại sắp sửa ì ạch rời bến sau khi “nhả” người xuống thì ít mà “hốt” người lên thì nhiều. Nàng làu bàu trong miệng: “đồ cà chớn! thiệt là bực cái mình”. Không phải Hạnh chửi vì xe buýt đông người quá mà vì nàng bị một người đàn ông đứng sau lưng nàng lợi dụng sự ngả nghiêng qua lại của chuyến xe buýt đông người đã dí cái “của nợ” vào lưng nàng mỗi khi xe buýt thắng lại.

Trước 30 tháng 4 làm gì có nạn khan hiếm xe lam hoặc xe buýt mà phải nhét người như cá hộp vậy. Chỉ tại bọn “phải gió” việt cộng miền Bắc, tự đứng miền Nam người ta đang sống yên vui khi không đòi “giải phóng” cái chó gì làm khốn khổ không biết bao nhiêu là người. Cuộc sống khó khăn, vật lộn với miếng cơm manh áo hằng ngày cũng đủ chết rồi, cho nên nhà nào có xe gắn máy trong nhà mới được “nhà nước” bán xăng cho, nhưng họ không chạy mà đem ra bán chợ đen hết để đổi lấy cái ăn. Thành ra phương tiện di chuyển dần hết vào xe buýt với xe lam cho nên mới có “chuyện” vừa xảy ra. May cho gã đàn ông, Hạnh vì mắc cỡ và cũng vì vừa đến trạm nhà nên nàng xuống quách cho xong việc. Chả bù

với chị “bộ đội cái” nàng gặp hôm tuần rồi, cũng trên chuyến xe buýt chật cứng người. Chị ta quay ngoắt lại, đưa cùi chỏ húc mạnh vào bụng gã đàn ông “dê”, trừng mắt nạt lớn:

- “Đồng chí” đứng nghiêm chỉnh một tí, đừng có “nội” dụng xe “núc na núc nắc” mà dí cái “của nợ” vào “nưng” người ta như thế!

Mọi người tuy chẳng ưa gì người “nữ đồng chí” nhưng cũng đưa mắt ngó anh chàng cười âm lên, anh chàng thẹn quá cho nên xe vừa ngừng trạm là anh chàng “lẩn” ngay. Hôm nay đến phiên Hạnh gặp “y chang” như vậy nên bực mình vô cùng. Nàng lằm lũi bước sâu vào trong hẻm, lòng nặng trĩu khi nghĩ đến khuôn mặt bốn đứa con nhỏ đang ở nhà với bà nội chờ nàng về xem có thêm chút thịt cá gì ăn với cơm không, hay chỉ lại rau luộc chấm chao. Kể từ sau khi “giải phóng”, tướng đầu Trác, chồng nàng chỉ đi “học tập” đúng 10 ngày như “cách mạng” đã hứa rồi về, nào ngờ bọn chúng thật là lật lọng, lừa bịp nói: “mười ngày lương không chuẩn bị đi đường chứ không phải mười ngày rồi được về”. Hạnh chán nản chờ đợi hết ngày này qua ngày khác, không biết đến chừng nào Trác mới “học tập” tốt để được cách mạng “khoan hồng” như lời bọn họ nói đây? ngày nào nàng cũng làm nghề “chà đồ nhôm” tức “chôm đồ nhà” đem ra chợ trời bán lấy tiền đổi gạo cho con ăn, “chôm” riết được hơn nửa năm, nàng giật nảy mình khi thấy trong nhà bắt đầu túng hụt, chẳng còn cái gì đáng giá để có thể bán đổi được một ngày no cơm cho bốn đứa con và một bà mẹ chồng nữa, nàng không dám tính mình trong đó, bởi đã từ lâu, nàng chỉ chờ cho mẹ chồng và bốn đứa con ăn no rồi nàng mới vét cơm thừa còn một ít trong nồi đồ

hầm bà lằng thập cẩm, nghĩa là đồ xào hoặc đồ mặn gì đó với một ít nước canh chiều cho qua bữa rồi lại ngồi tính toán đến bữa mai. Vậy mà nàng cũng cầm cự được hơn một năm qua, nhà nàng bây giờ trống hốc từ trong ra ngoài, chỉ còn một chiếc giường con để cho bà cụ mẹ chồng nằm là nàng không dám đụng đến mà thôi! Tối đến, mấy mẹ con nàng trải chiếu nằm sấp lợp trên sàn gạch xếp, ban ngày bốn đứa nhỏ chơi dưới nhà, lau sạch sàn gạch bông bóng loáng nằm cho mát.

Hôm nay đây sau khi vợ vét nốt mấy cái áo dài cuối cùng đem ra chợ trời, chào mời mỗi cả miệng mới có người lấy được cao giá một tí, còn nếu cứ thấy cho mấy cái sạp mua đi bán lại thì chả còn bao nhiêu. Hạnh đẩy cửa bước vào nhà, bốn đứa con chờ mẹ chắc đói quá nằm la liệt dưới sàn gạch, bà mẹ chồng đang nằm trên giường nghe động bật nhồm dậy hỏi:

- Con về rồi đấy à? hôm nay có bán được gì không?

Hạnh thở dài ảo não:

- Cũng được bữa cơm ngày hôm nay.

Rồi Hạnh lật đật xuống bếp thổi cơm cho các con ăn. Trong khi nàng chống hông thổi phù phù vào cái bếp lò cho củi cháy lên thì Thùy, đứa con gái lớn của nàng đến sau lưng lên tiếng:

- Mẹ! hồi sáng có cô Dung đến chơi, cô hỏi con có muốn sang nhà giữ con cho cỗ không? Cỗ cho tiền. Con muốn kiếm tiền giúp mẹ, mẹ có cho con đi không?

Hạnh vừa thổi phù phù vừa dụi mắt vì cay khói vừa nhăn mặt kêu lên:

- Không được, con còn phải đi học nữa chứ!

- Nhưng tuần tới con nghỉ hè rồi.

Hạnh vuốt tóc con gái:

- Tại sao con lại muốn đi giữ con cho cô Dung?

- Tại vì nhà mình hết đồ để bán rồi.

Hạnh ngạc nhiên:

- Ai bảo con thế?

- Con nghe mẹ với bà nội nói chuyện.

Hạnh thật không ngờ, con bé chỉ mới 10 tuổi thôi mà sao nó lại để ý đến thế, nàng nhìn con ứa nước mắt:

- Con còn nhỏ lắm! cứ ở nhà trông chừng hai em Trung và Trục là được rồi, để mẹ lo.

Bé Thùy ngược cặp mắt sáng ngời ngây thơ nhìn mẹ hỏi một câu rất là người lớn:

- Ngày mai mẹ đi chợ bán cái gì? Con thấy nhà mình hết đồ rồi.

Hạnh vuốt tóc con nói lảng:

- Con lên nhà xem em dậu chưa, chơi với em, mẹ thổi cơm nhanh lắm! Có ăn ngay.

Bé Thùy cố nói thêm:

- Con muốn đi giữ con cho cô Dung để kiếm tiền cho mẹ chuộc lại cái nồi cơm điện, để con có thể ở nhà giúp mẹ cắm nồi cơm chờ mẹ về được, còn bây giờ con không giúp gì được hết, mẹ nói con còn nhỏ đốt lửa sợ làm cháy nhà. Con chỉ làm cho cô Dung đến tự trường con về đi học lại, khi con đi làm đã có em Thảo với bà nội ở nhà coi chừng hai em Trung và Trục rồi, được không mẹ?

Dung ôm con vào lòng khốc thâm: Trời ơi! con nàng vì quá cực khổ mà khôn trước tuổi, một đứa trẻ chỉ mới 10 tuổi đầu, đáng lẽ chỉ biết vui chơi an ổn trong vòng tay cha mẹ, thì con nàng giờ đây đã biết tính toán cho cuộc sống ngày mai. Nàng đã phạm phải điều nói đối với con, cái nồi cơm điện hằng ngày trước khi ra chợ trời, nàng đã dạy con cách xử dụng và dặn dò con gái ở nhà khi đi học về hãy cắm trước nồi cơm cho chín khi mẹ đem thức ăn về sẽ có cơm ăn liền đỡ phải chờ lâu, lỡ hôm nào mẹ có về trễ, đứa nào đói bụng thì cũng có nồi cơm dẫn bụng đỡ với xì dầu chờ mẹ về. Đến

khi không còn gì để đem ra chợ trời nữa, nàng đòi bán nồi cơm điện bé Thùy không chịu, nó nói để con giúp mẹ nấu cơm. Nàng phải nói dối là đem cầm đờ, mai mốt có tiền sẽ chuộc lại, thế mà con bé ghim trong đầu, vì muốn “chuộc” lại nồi cơm điện để giúp mẹ, nó nhất định đòi đi “ở đợ” cho người ta.

Nàng đẩy con lên nhà trên, vừa nấu cơm vừa khóc nước mắt chan hoà, nàng tủi thân thương con đứt ruột. Trời ơi! sao cuộc đời nàng khổ thế này! 16 tuổi lấy chồng vì sợ nhiều hơn là yêu đương. Năm đó nàng đang học lớp 9, mới 15 tuổi thôi, Trác ở con hẻm phía sau nhà nàng ở xóm Bán Cờ, đi lính hồi nào không biết, chỉ biết khi nàng quen Trác thì Trác đã là đại úy Thủy quân lục chiến, hơn nàng đến 12 tuổi. Trác thấy Hạnh lớn lên trở mã coi được quá là theo “cua” liền. Hạnh thấy người ta có bồ lính mình cũng bắt chước có bồ (lúc đó phong trào người yêu của lính đang thịnh hành). Hạnh thấy các bạn khen Trác “ngon lành” cấp bậc đại úy hơn hẳn “bồ” của các bạn thì khoái quá! cứ út mắt lên. Các bạn học của Hạnh còn ngây thơ lắm! chưa đứa nào có bồ. Nếu có người ngắm ngía cũng chỉ là sinh viên sĩ quan còn trong quân trường hoặc cao lắm là thiếu úy mà thôi! Thấy các bạn đùa gọi mình là “bà đại úy”, Hạnh cứ út mắt lên, thế mới kệt.

Quen Trác được một thời gian, Hạnh đi học thêm Anh văn ở trường Diên Hồng, gặp Đức là thầy dạy Anh văn của Hạnh, bốn mắt nhìn nhau tím đập rộn rã, tuy không nói nhưng còn hơn vạn lời nói ra, ngày nào không gặp Đức là Hạnh nhớ lắm! Cái cảm giác này không hề có với Trác bao giờ, thế là Hạnh tìm cách lánh mặt Trác dần dần, nhưng đâu có dễ, Trác rất khôn lanh và quỷ quyệt, điều tra biết được, hấn dờ thói vũ phu, tuy chưa đến nỗi thượng cẳng chân hạ cẳng tay, nhưng hùng hổ, rút súng “lên

cờ” rộp rộp hăm he bắn chết cả hai đứa (Hạnh và Đức). Thế là Hạnh sợ quá im thin thít, rồi Hạnh thất thân với Trác, ôm cái bầu bé Thùy hai tháng mới làm đám cưới. Cưới xong Hạnh phải bỏ học ra tiền đồn sống với Trác. Bố mẹ Hạnh lần lượt qua đời, Hạnh là con một, nhưng Trác không cho nàng dẫn các con về Sài Gòn để thừa kế căn nhà của cha mẹ, Trác sợ nàng gặp lại Đức, Trác ghen đến độ bắt nàng phải bán căn nhà đó đi ôm tiền theo chàng sống tiếp tục khắp bốn vùng chiến thuật.

Đầu xuân 75, vì mẹ chồng đau ốm liên miên, không người chăm sóc. Bố của Trác đã mất từ lâu, Trác có hai anh em, nhưng người em trai cũng là lính tác chiến tít tận vùng một. Trác lúc đó đang đóng ở Mỹ Tho gần Sài Gòn hơn. Hạnh cũng đã 3 con sắp đẻ đứa thứ tư. Tiền bán nhà của bố mẹ nàng xài cũng sắp cạn. Trác bắt Hạnh dắt các con về sống với mẹ chàng để có người trông nom bà cụ. “Giải phóng” được hơn hai tuần thì Hạnh đẻ đứa con trai út, chưa kịp ăn đầy tháng thằng bé thì Trác đi “cải tạo” không có ngày về. Hạnh chỉ là một cô nữ sinh chưa tốt nghiệp trung học, 16 tuổi đã lấy chồng, bây giờ vì hoàn cảnh đất nước, chồng bị “tù” một cách lãng xẹt, 26 tuổi đời, một nách 4 đứa con thơ, một bà mẹ chồng, Hạnh chỉ còn biết bán lần đồ trong nhà đi để ăn thôi chứ biết làm nghề gì để nuôi con đây? Salon, bàn ghế, tủ giường, chén kiếu, chén cổ, ti vi, tủ lạnh, quạt máy, bàn ủi gì nàng cho ra chợ trời ráo. Đến hôm nay thì trong nhà đã sạch nhẵn không còn một thứ gì để có thể bán được nữa, nàng bắt đầu bối mớ trong đống quần áo của nàng xem còn được cái nào có thể có giá để người ta có thể mua được không? Và nàng đã bán hai cái áo dài cuối cùng của nàng, ngày mai đây, không biết cuộc sống của mẹ con nàng rồi sẽ ra sao?

Mộng Trưng Vương

Đêm qua mộng dẫn về trường
Gặp thầy gặp bạn yêu thương thuở nào.
Khi môi còn thắm hoa đào
Khi em còn dáng thon cao gót hài.
Cổng trường e lệ mắt nai
Khẽ nghiêng vành nón thoáng ai đứng chờ.
Đời êm như một bài thơ
Hồn nhiên em bước đến bờ yêu đương.
Tay trong tay dạo phố phường
Bô Na Nguyễn Huệ đến đường Tự Do.
Saigon đẹp tựa như mơ
Trước tòa Đô Chính mình chờ đợi nhau.
Sánh vai cùng dạo bến tàu
Gió bay tà áo xanh màu nhớ nhung
Trưng Vương yêu dấu vô cùng
Trường xưa dù đã muôn trùng cách xa.

Hồng Thủy

(Maryland)

Đối với Trác, nàng sợ nhiều hơn là yêu, có thể nói nàng không có tình yêu với chồng, lúc trẻ tại nàng ham danh thì nàng ráng chịu, tưởng chỉ “đùa chơi” tí rồi thôi, nào ngờ đụng phải “thứ dữ” nàng đành cam chịu, hy vọng tình yêu sẽ đến sau hôn nhân. Nào ngờ Trác thật là vũ phu và lỗ mãng, lên cơn ghen là hành hạ nàng đến khổ sở. Hấn hùng hục “làm tình” và nghiêng răng bên tai nàng những lời đay nghiến bẩn thỉu: “cho mày chết! cho mày chết! mặt cứ

“thộn” ra như thế kia! đang tưởng tượng “ngủ” với “nó” phải không?”. Hạnh chẳng buồn trả lời, cứ trơ trơ mặc cho Trác muốn làm gì đó thì làm, thái độ trơ như gỗ đá của Hạnh càng làm cho Trác điên tiết, có lúc chịu không được, nàng đòi ly dị, Trác cầm súng dí vào hai mẹ con đòi bắn chết hết, lúc đó Hạnh chỉ mới có một đứa con đầu lòng mà thôi, Hạnh thương con phải chịu đựng, cuối cùng rồi cũng trôi theo tháng ngày. Ở với nhau hơn 10 năm trời, có 4 mặt con, hai đứa con gái đầu sinh năm một. Đến năm 1976, bé Thùy 10 tuổi, Thảo cũng lên 9, nhưng hai đứa con trai cách xa người chị những 5 năm, Trung 4 tuổi, Trục mới được hơn một năm. Lấy nhau mười năm trời, Trác không đem lại cho nàng một tí của cải vật chất gì ngoài một cái đám cưới đơn giản như một cái lễ “thú phạt” vì đã ăn ở với nhau rồi mới đám cưới, không một món nữ trang nào đáng giá ngoài cái nhẫn cưới ba phân, vàng 18 đeo vào ngón áp út của bàn tay trái cho có hình thức gọi là gái đã có chồng. Nhà chồng nghèo, nàng phải co giắt xoay quanh trong số lương đại úy hàng tháng của Trác để sinh sống, lương nhà binh đã ít oi mà còn phải trích ra một phần gửi về nuôi mẹ chồng. Em trai của Trác cũng làm như vậy, nàng hiểu bốn phận con cái nuôi cha mẹ nên Hạnh không có ý kiến, nếu không nhờ có số tiền bán nhà của cha mẹ nàng để lại, không biết nàng còn khổ đến cỡ nào.

Dung là người bạn gái thân nhất thời trung học với Hạnh, và cũng là bạn lối xóm hồi nhỏ hai nhà ở cạnh nhau. Dung lấy chồng xong vẫn ở nhà mẹ không bị làm dâu. Nhà Dung ở ngay mặt đường đầu góc con hẻm lớn Nguyễn Thiện Thuật dẫn vào con hẻm nhỏ phía trong nhà chồng nàng, Dung con nhà khá giả lại lấy chồng giàu không dính vào nhà binh nên

không bị đi “học tập”. Từ ngày Hạnh lấy Trác, Dung ghét cái bản mặt “đĩ thõa” của Trác nên ít liên lạc với Hạnh. Nhưng từ ngày Trác đi “học tập” không về, Dung vẫn thường xuyên thăm nom và giúp đỡ cho Hạnh. Chẳng lẽ bắt bạn phải cưu mang mẹ con nàng suốt đời hay sao? Cho nên Hạnh cố bưng chải, khi nào không còn lo được nữa mới tính sau. Tối hôm đó, Dung bế thằng con trai đầu lòng được hơn 6 tháng tuổi, đi bộ đến chơi nhà Hạnh và xin cho bé Thùy sang nhà giúp nàng bồng bế thằng con trai đầu lòng vì sức khỏe nàng không được khá. Hạnh thương con không muốn con cực khổ, nhưng bé Thùy cứ một mực đòi đi nàng đành cam chịu. Dung dúi cho Hạnh một nắm tiền khuyên Hạnh hãy nấu một cái gì đó bán quanh trong xóm để có thì giờ trông con. Cái xóm nghèo gặp thời buổi eo hẹp, Hạnh luộc khoai, nấu xôi bán vớ vẫn được một thời gian rồi cũng ế, lời đầu không thấy chỉ thấy vốn cạn dần. Sợ hết vốn, Hạnh lại ra chợ trời bắt chước người ta buôn đi bán lại hy vọng có thêm đồng ra đồng vào. Với lại Hạnh cũng muốn tìm xem có cái nồi cơm điện nào giống cái nồi cơm điện cũ của nàng không thì mua lại để khỏi thất hứa với con.

Bé Thùy bế thằng cu Tun xà xuống một gian hàng đồ cũ trên vỉa hè lề đường Nguyễn Thiện Thuật, mắt nó chăm chú nhìn và quan sát một cái nồi cơm điện cũ mà nó cho là nồi cơm của nhà nó. Chắc ăn, nó đưa tay xoay nghiêng cái nồi đi để tìm vết tích một cái chân của đế nồi bị mẻ một miếng vì có một lần em Trung của nó vì đói bụng quá, đã với tay lên bàn kéo nồi cơm xuống để ăn nên nồi cơm bị rớt xuống đất. May mà em nó không sao nhưng một cái chân của đế nồi bị mẻ một miếng. Người đàn ông bán hàng la lên:

- Ê! con nhỏ kia phá cái gì đó?

Bé Thùy hốt hoảng rút tay lại sau khi đã nhìn thấy vết mẻ, nó nhìn người đàn ông rụt rè:

- Ông ơi cái nồi cơm điện này là của nhà cháu đó! Ông có thể cho cháu “chuộc” lại cái nồi cơm này không? Nó nghe mẹ nó nói có tiền sẽ đi chuộc lại nồi cơm nên nó cũng xin chuộc chứ nó có hiểu nghĩa là gì đâu.

Người đàn ông xằng giọng:

- Đây không phải là tiệm cầm đồ, mà ỳ có tiền thì mua, không tiền thì đi chỗ khác chơi cho tao bán hàng, rồi ông xua tay lia lịa: đi! đi đi! đi chỗ khác cho tao buôn bán mà ỳ cứ ngồi trước cửa hàng tao như thế thì làm sao tao buôn bán được.

- Cháu phải có bao nhiêu tiền mới được?

Người đàn ông nhìn nó dò xét:

- Mà ỳ thật muốn mua?

Bé Thùy gật đầu:

- Cháu muốn lắm! vì đây là nồi cơm của nhà cháu. Bố cháu đi “học tập” chưa về. Nhà cháu nghèo, mẹ cháu nói đem nồi cơm đi “cầm” lấy tiền đong gạo khi nào có tiền sẽ “chuộc” về, nhưng mẹ cháu chưa có tiền, cháu muốn chuộc nồi cơm này về để giúp mẹ cháu nấu cơm.

Người đàn ông tò mò:

- Làm sao mà ỳ biết nồi cơm này là của nhà mà ỳ?

Bé Thùy đưa tay chỉ vào chỗ bị mẻ:

- Cái chỗ mẻ này là em cháu làm rớt.

Người đàn ông cầm cái nồi cơm giơ lên xem, ông gật gù rồi tặc lưỡi:

- Nếu đúng là cái nồi cơm của nhà mà ỳ thì tao sẽ bán rẻ lại cho mà ỳ, tao cũng phải bỏ tiền ra mới mua được, tao cũng chẳng giàu có gì hơn nhà mà ỳ, thôi thì để vốn lại cho mà ỳ 40 đồng, mà ỳ có tiền không?

Bé Thùy mừng run lên, nó lật đật:

- Dạ được, nhưng cháu không trở ra liền được, đến chiều có được không ông?

Người đàn ông hít tay dịu giọng:

- Em đi về đi, nếu chiều còn sớm thì tôi bán cho em, còn không thì sáng mai cũng được, tôi sẽ giữ cái nồi cơm này cho em.

Nói xong ông cầm lấy cái nồi cơm cất vào trong một cái thùng thicic to có bánh xe đẩy. Bé Thùy bỗng thẳng Tun quay trở về nhà cô Dung, trưa hôm đó sau khi đổ cu Tun ngủ xong, nó suy nghĩ hoài muốn mượn tiền cô Dung rồi chạy ra ngay mà không dám. Nó cứ sợ người đàn ông bán mất cái nồi cơm của nó, rồi nó lại lắc đầu tự an ủi: không đâu! Người lớn không có nói láo đâu! Mẹ nó đã chẳng nói với nó là có tiền sẽ chuộc về cái nồi cơm đó hay sao? Tại mẹ nó chưa có tiền chứ mẹ chưa nói dối với nó bao giờ. Rồi nó nghĩ đến Hạnh đang đau nằm chèo queo ở nhà. Mấy ngày qua, Hạnh bị một cơn mưa buổi tối nên bị cảm không ra chợ trời được. Nó thương mẹ nên đánh liều hỏi mượn trước Dung 40 chục đồng rồi xin về sớm để “chuộc” cái nồi cơm đem về cho mẹ mừng. Dung cũng chỉ hỏi qua loa cho có lệ rồi cũng lấy tiền cho nó mượn. Dung còn đưa thêm cho nó hai hộp sữa bò mang về cho mẹ bồi dưỡng và dặn ra đường cẩn thận. Vì nhà gần, người đầu hẻm lớn ngoài mặt đường, người sâu trong hẻm nhỏ phía sau nên Dung không phải đưa đón gì cả. Cứ sáng sớm bé Thùy từ trong hẻm nhỏ chạy đến nhà Dung trông nom thẳng cu Tun, chiều cơm nước xong xuôi, bé Thùy đi bộ về nhà ngủ với mẹ khỏi phải đưa rước gì cả.

Bé Thùy cầm 40 chục đồng mừng rỡ chạy thật mau đến vỉa hè đồ cũ thử hỏn hỏn vì sợ ông chủ dẹp hàng mất, may quá ông vẫn còn đang ngồi “ngáp ruồi”. Thấy nó ông cười hỏi:

- Thế nào? có tiền không?

Bé Thùy chia 40 đồng cho ông mà vẫn thử phì phò không nói được tiếng nào vì chạy mau quá nên mệt. Người đàn ông cầm lấy tiền nhìn nó thương hại:

- Tôi đã nói với em sáng mai cũng được, em vội vàng làm gì cho nó mệt. Rồi ông mở thùng lấy cái nồi cơm trao cho bé Thùy.

Bé Thùy đặt hai hộp sữa bò của Dung cho vào trong lòng nồi cơm, đập nắp lại rồi ôm lên tay quay ngược trở về con hẻm lớn để về nhà nó trong con hẻm nhỏ. Vừa đi nó vừa tưởng tượng một lát nữa đây, mẹ nó sẽ cảm động đến rơi nước mắt khi nhìn thấy cái nồi cơm điện đã được “chuộc” về, để từ nay mẹ nó đỡ phải vất vả phần nào trong việc thổi cơm cho mấy chị em nó ăn. Nó cảm thấy trong lòng rất vui và hạnh phúc vì đã chia sẻ được phần nào sự khổ sở trong cuộc sống mà mẹ nó đang gánh chịu.

Bé Thùy đang sung sướng với dòng tư tưởng miên man, nó nghe đằng sau lưng có tiếng xe gắn máy nổ thật gần một bên. Nó chưa kịp ngoái cổ lại nhìn thì hai người thanh niên đeo nhau trên một chiếc Honda Dame, người thanh niên phía sau đưa tay giật lấy cái nồi cơm điện của nó, gã thanh niên phía trước rồ ga thật mạnh phóng nhanh xuống lòng đường chạy mất dạng. Bé Thùy phóng theo xuống lòng đường la lớn:

- Trả lại em cái nồi cơm....

Có tiếng thắng rít lên ghê rợn của xe bốn bánh, mọi người đổ xuống đường bu quanh một em bé gái trước khi tắt nghỉ miệng vẫn còn lảm bảm:

- Cái nồi cơm điện, cái... nồi cơm... điện...

TÔN NỮ MẶC GIAO

(California)

NGHE RỪNG LẠC LỐI

Em tôi ơi, hoa đời đang ngóng đợi
Mắt như lòng, đi tìm mãi không ra
Để hồn ta quanh quẩn dưới trăng tà
Đôi mắt em rạng ngời trong đêm tối.

Khao khát ân tình như mùa bão nổi
Thiếu vắng em, vó ngựa hồng rất vội
Đêm chưa tàn mà ngày đến lao xao
Con gió thoảng, ôi rộn ràng hơi ấm..

Dư âm xưa đang trở về rất chậm
Dòng thời gian.. đem hạnh ngộ tới dần
Trần gian ta phủ đầy hương ân ái
Nắng mai về quyện lẫn chút thương đau!

Từ lâu rồi đã làm khô lỵ nhau
Môi hôn đỏ cho ta say tình tự
Con mưa đến lòng dâng lên sóng dữ
Dòng sông nào nước chẳng chảy về xuôi..

Ai không một lần, nghe rừng lạc lối?
Kỷ niệm nào thiếu vắng một bờ môi?
Tiếng gió nào mang hơi thở em tôi
Trong hạnh ngộ.. đã gieo mầm xa cách..

Buổi tàn thu Virginia
Nov..25,08

BÙI THANH TIÊN

TUỔI MƯỜI SÁU

Tuổi mười sáu em vào đời bỡ ngỡ
Đường đến trường cây cỏ níu bước đi
Tóc thơm hương rục thắm nét xuân thì
Mộng vu vơ lẫn dài trên tập vở

Tuổi mười sáu trăng rọi thêm rục rờ
Hồn em say theo từng áng mây bay
Ngỡ mắt ai trên những đám sao gầy
Tỏ nỗi niềm cho tình thêm ngây ngất

Tuổi mười sáu nước hồ xanh màu mắt
Con thuyền tình vẫy gọi bến thêm say
Má đỏ hồng cho giọt nắng đọng đầy
Mang nỗi nhớ gom vào thơ trải mộng


Tuổi mười sáu áo dài vờn gió lộng
Chiều hè buồn lác đác lá me rơi
Ghế sân trường vương vấn chẳng muốn rời
Tay chưa nắm tim vẫn sai nhịp đập

Tuổi mười sáu ô mai đầy nhét cặp
Ngọt tình ai ô mai chẳng còn chua
Vào lớp học mà hồn mộng đọng đưa
Tiếng mưa rơi buồn chợt giăng ngoài cửa

Tuổi mười sáu là tội mình hai đứa
Yêu nhau chưa sao mắt chẳng chịu rời
Đời hợp tan tuổi mộng cũng chơi vui
Vẫn nhớ mãi thời em tròn mười sáu.

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

(Texas)

Mẹ hiền ! ơi mẹ Việt Nam
Tình hương muôn đời tỏa lan mẹ hương
Dạy con, nghĩa núi tình sông !
Dạy con nhớ gốc chồi đặng biết nguồn
Thị Nga
Thư họa  2010

Thần Người Giao-Hoan: WILLIAM BUTLER YEATS Leda and the Swan

A sudden blow: the great wings beating still
Above the staggering girl, her thighs caressed
By the dark webs, her nape caught in his bill
He holds her helpless breasts upon his breast

How can those terrified vague fingers push
The feathered glory from her loosening thighs?
And how can body, laid in that white rush,
But feel the strange heart beating where it lies?

A shudder in the loins engenders there
The broken wall, the burning roof and tower
And Agamemnon dead.
Being so caught up,
So mastered by the brute blood of the air,
Did she put on his knowledge with his power
Before the indifferent beak could let her drop?
(1924)

Dịch xuôi:

Nàng Leda và Thần Điều Thiên Nga
Một cú đập thành linh bất chợt: Hai cánh
lớn còn vừa vẫy vừa đứng yên
trên thân người thiếu nữ lầy bầy choáng
váng, hai bắp đùi nàng được môn trớn
bởi hai màng chân đen, gáy nàng bị quặp
chặt bởi chiếc mỏ của chim thiên nga
Ép sát bộ ngực không cự được của nàng
vào ngực nó.

Làm sao mà những búp ngón tay bùn rùn
kinh hoàng đó có thể đẩy mạnh
vật hào quang hưng phấn của thần điều khỏi
cặp đùi của nàng đang dần dần nói lỏng
Và làm sao mà tâm thần, bị đè trong cái đẩy
của thân chim màu trắng

Mà không cảm thấy nhịp tim lạ đang đập.

Con rùng mình phía dưới bụng
Tuồng thành bể, mái và lầu chày
Và Agamemnon chết.

Bị kẹt bất thành linh như vậy
Chế ngự bởi giòng máu thô bạo từ trên không
Nàng có thêm ý thức với sức mạnh của thần
Trước khi chiếc mỏ vô tình thả nàng xịu xuống?



Leda

Chú thích 1:

This poem of erotic overtone describes the Greek God Zeus, who transformed into a swan and raped Leda, the wife of King Tyndareus. This sonnet is written in Petrarchan structure in the rhyme scheme: abab cdcd efg efg. Lines 1-4: the rape: the swan hangs in the air above the girl with his wings still flapping; Leda staggers under her assailant; he caresses her thighs with his black webs and holds her tight with his bill; lines 5- 8: she cannot resist; lines 9-11: the culmination of the act is the birth of Helen and the 10-year Trojan war, in which

Agamemnon commanded the Greek force, and using a ruse of the wooden horse left outside the wall of Troy, his soldiers were able to enter the inside, and destroyed Troy, and brought Helen back. Upon return, Agamemnon was killed by his wife. Lines 12-13-14: the poet wonders if Leda “put on his knowledge with his power before the indifferent beak could let her drop?”

Trong bài tình thi sonnet kiểu Ý theo thi sĩ Petrarch, Yeats kể một truyện thần thoại: thần Thiên vương tinh Zeus--người La Mã gọi là thần Jupiter hay thần Jove-- hóa thành chim thiên nga, cưỡng hiếp một thiếu phụ là nàng Leda. Theo thần thoại Hy Lạp, Leda là vợ của Tyndareus, vua xứ Sparta, mẹ đẻ ra Clytemnestra là người về sau lấy Agamemnon. Leda sinh ra trứng, nở thành nàng Helen of Troy, người đẹp tuyệt trần, sau làm vợ Menelaus, vua Sparta, em của Agamemnon. (Thi sĩ Anh cùng thời với Shakespeare, Christopher Marlowe tả Helen bằng câu, “...the face that launched a thousand ships” trong kịch Doctor Faustus). Hoàng tử Paris xứ Troy mê nàng, bắt cóc Helen đem về thành Troy. Đây là khởi nguồn trận chiến 10 năm giữa Athens và Troy. Quân Athens lập mưu bỏ lại một con ngựa gỗ ngoài thành Troy, nhưng ngầm cho binh sĩ nằm bên trong. Đêm đến, khi quân thành Troy không kịp đề phòng, quân Hy Lạp từ ngựa gỗ kéo ra, giết binh sĩ và đốt thành Troy. Agamemnon, theo thần thoại Hy Lạp, là vua của xứ Mycenae, được chọn làm lãnh tụ quân Hy Lạp trong trận chiến thành Troy, trả thù cho anh là vua Menelaus, chồng của Helen. Sau khi thắng trận trở về, Agamemnon bị vợ là Clytemnestra, cùng người yêu là Aegisthus giết để trả thù vì ông đã đem con gái là Iphigenia tế thần Artemis, cầu cho có gió để đoàn chiến thuyền có thể giông buồm

tiến được. Trong thần thoại này, thần và người giao hợp. Bài thơ “Leda and the Swan” của Yeats, khi mới in ra năm 1924, bị nhiều nhà Thiên chúa giáo cực lực lên án, nhưng về mặt văn chương, được coi là một bài thơ hay của Yeats.



Leda-Swan-Davinci

Chú thích 2:

1. Hai hình kèm theo là bản vẽ lại của bản chính bị thất lạc của nhà họa sĩ, tạc tượng và kiến trúc sư và thi sĩ thời Phục Hưng Michelangelo Buonarroti người Florence, Ý (1530), và hình 2 là bản sao lại bức vẽ của Leonardo Da Vinci (thế kỷ 16).
2. Tả vẻ đẹp mê hồn nghiêng nước nghiêng thành của Helen, thi sĩ Anh Christopher Marlowe trong vở kịch thơ Doctor Faustus, viết, “Was it the face that launch’d a thousand ships,/ And burnt the topless towers of Ilium?”--Phạm Trọng Lệ--Virginia 8/31/09.

WILLIAM BUTLER YEATS,
NHÀ THƠ ÁI NHĨ LAN,
GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1923

Phạm Trọng Lê

Đính chính: Trong Cỏ Thơm số 50, tháng 3, 2010, trang 162, bài *When You Are Old* thiếu câu đầu. Nay xin đăng lại toàn bài:

WHEN YOU ARE OLD

When you are old and gray and
full of sleep,
And nodding by the fire, take down
this book,
And slowly read, and dream of
the soft look
Your eyes had once, and of their
shadows deep;

How many loved your moments
of glad grace,
And loved your beauty with love false
and true,
But one man loved the pilgrim soul
in you,
And loved the sorrows of your
changing face;

And bending down beside
the glowing bars,
Murmur, a little sadly, how Love fled,
And paced upon the mountains
overhead
And hid his face amid a crowd of stars.

WILLIAM BUTLER YEATS, 1892

-Dịch sang văn vần:

“KHI TUỔI CHIỀU XẾ BÓNG”

Khi người yêu trong tuổi chiều
xế bóng,
Làn tóc muối tiêu, cơn mộng mơ màng.
Ngồi gật-gà bên ánh lửa tro tàn,
Xin chậm lật lại mấy hàng thơ cũ.
Đôi mắt xưa với dáng nhìn quyến rũ,
Quầng mắt sâu như chứa đủ ngàn lời.

Biết bao người trong giờ phút vui chơi,
Mê vẻ đẹp--trọn đời hay giả tạo.
Riêng yêu em có tâm hồn ngoan đạo,
Yêu vẻ buồn trên dung mạo một thời.

Khi cúi đầu bên song cửa sáng ngời,
Buồn, thăm nhủ, tình chơi vơi
bồng đảo.
Chậm bước chân trên núi rừng
thu thảo,
Tìm mắt ai trong tinh ảo ngân hà.

Phạm Trọng Lê
(phỏng dịch)

THỔ NHĨ KỲ

Lịch sử-Văn hóa-Phong tục



Nguyễn Quý Đại

Phần I

Lịch sử và địa lý tóm lược

Cộng Hoà Thổ Nhĩ Kỳ là quốc gia có nền văn hoá lâu đời, từng là đế quốc qua nhiều triều đại. Đầu thế kỷ 11 người Thổ bắt đầu mở rộng bờ cõi về phía tây tới Armenia và Tiểu Á

Năm 1299 Osman I (1259 † 1326), thành lập triều đại Ottoman. Đến thời Mehmet II ngày 29.5.1453 chiếm Konstantinople từ đó đế quốc Byzantine bị xoá tên và đánh chiếm các quốc gia Serben(1459) Griechenland(1461) Bosnien và Albanien (1479), Syrien, Palästina, Ägypten và Bắc phi các



năm (1516/1517) Bagdad (1522) và Ungarn. Người Thổ Seljuk đã thiết lập địa vị chắc chắn tại Tiểu Á cuối cùng đã trở thành vương quốc Ottoman

Thế kỷ 16 và 17, đế quốc Ottoman có lực lượng hải quân hùng hậu thống trị các khu vực rộng lớn trên biển Đại Trung Hải, Biển Đen, Biển Đỏ, Vịnh Ba Tư và Ấn Độ Dương, chiếm cả Anatolia Bắc Phi, Trung Đông, Đông nam và Đông Âu... Trong ý định Hồi Giáo hóa Âu Châu, đế

quốc Ottoman đã nhiều lần tấn công vào Trung Âu. Năm 1529, đế quốc Ottoman vây thành Vienna của nước Áo và năm 1683 lại tấn công lần nữa vào thành phố Habsburgs của nước này nhưng bị đánh bại và phải triệt thoái. Đế quốc Ottoman bị suy yếu mất dần các „thuộc địa“.

Năm 1773 Nga chiếm Bulgarien, Mohammed Ali đòi độc lập cho Ai Cập, năm 1827 Hy Lạp được tự do....Dưới thời Abd ül-Medschid I (1839-1861) được sự hỗ trợ của Anh-Pháp cuộc chiến Krimkrieg (1853-1856) chống lại Nga. Cuộc chiến 2 năm (1877/78) Nga chiến thắng phải ký hiệp ước 1878 tại Berlin Thổ trả „độc lập“ cho Rumanien, Serben, Montenegro, Anh chiếm đảo Zypern, Pháp chiếm

Tunesien(1881) Anh chiến Ägypten (1882)....

Thế chiến I (1914-1918) Đế quốc Thổ kiểm soát phần lớn vùng Trung Đông, và theo phe Đức, Đế quốc Áo-Hung. Ngược lại Anh-Pháp liên minh với Nga để chống Đức và Thổ. Ngày 16.4.1917 quân đội Mỹ tham chiến với quân Anh- Pháp-Nga đánh bại liên quân Đức, phe này thua trận. Các dân tộc vùng Trung Đông theo liên quân Anh-Pháp-Mỹ-Nga nổi lên giành độc lập. Hy Lạp chiếm Izmir, một phần đất của Thổ bị phe chiến thắng chiếm đóng. Năm 1919 nhờ Mustafa Kemal Atatuerk (1881-†1938) người hùng thời đại đứng lên giành độc lập. Kemal được Quốc Hội trao tên tôn kính *Atatürk* (nghĩa "Cha của người Thổ") là Tổng thống đầu tiên của Cộng hoà Thổ. Kemal cải cách sâu rộng phát triển phục hưng đất nước và loại bỏ những chính sách từ thời Ottoman. Bãi bỏ luật đa thê, ban hành quyền bình đẳng cho phụ nữ và thêm nhiều biểu hiện Hồi Giáo công khai như đeo khăn che mặt tại công sở và trường học....

Hiệp ước ký ngày 24 Juli 1923 tại Lauranne quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ được thế giới công nhận. Thổ Nhĩ Kỳ thành lập Cộng Hoà Thổ Nhĩ Kỳ (29/10/1923), chấm dứt sự tồn tại hơn 600 năm của đế chế Ottoman Năm 1939 Kemal qua đời Ismet İnönü thay thế , Thế chiến II Thổ trung lập, thời kỳ chiến tranh lạnh Thổ thi hành chính sách thân Mỹ, được Mỹ viện trợ kinh tế cũng như quân sự. Thổ tham gia vào cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) và gia nhập Liên hiệp quốc UN năm 1945 và khối Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương-NATO năm 1952. Năm 1964 trở thành thành viên dự khuyết của Cộng đồng



Châu Âu. Thổ Nhĩ Kỳ là nước ảnh hưởng Tây phương cởi mở và tân tiến, không gò bó như các quốc gia Hồi giáo khác của khối Ả Rập.

Thổ Nhĩ Kỳ nằm ở phía Đông Địa Trung Hải, với diện tích trải dài trên cả 2 châu lục Âu và Á. Diện tích 783.562 km². Biên giới dài 9.850 km, (bờ biển dài 7.200 km và biên giới với các quốc gia lân cận 2.648 km) phần lớn lãnh thổ nằm về phía châu Á. Bắc giáp Hắc Hải, Đông Bắc giáp Armenia(268 km), Georgien(252 km), Đông giáp Iran(499 km) Nam giáp Iraq(352 km) và Syria, (352 km) Tây Nam giáp Địa Trung Hải, Tây Bắc giáp Hy Lạp(206 km) và Bulgaria (240 km), Bán đảo Anatolia (*Anadolu*) gồm một cao nguyên có độ cao với những đồng bằng hẹp ven biển, nằm giữa Koroğlu và dãy núi Đông Biển Đen ở hướng bắc và dãy núi Taurus (*Toros Dağları*) ở phía nam trải dài thành một vòng cung 1000km có nhiều núi đỉnh cao trên 3.000-3.700 m. Có 6 dãy núi cao nhưng đỉnh núi Ararat cao nhất Thổ Nhĩ Kỳ 5.137 m, núi thấp nhất

Erciyes(*Erciyes Dağı*) 3.891 m có núi lửa đã ngưng hoạt động. Có 9 con sông lớn như Euphrates(Firat) dài 2.781 km chia thành hai nhánh Kara Su & Murat, Sông Euphrates là nền tảng cho nền văn minh trồng trọt đầu tiên ở Sumer chảy qua Syrien, Irak. Sông Tigris dài 1.900 km Kizilirmak dài 1.355

km. Có 6 Hồ lớn nhất là hồ Van Gölü rộng 3.713 km² nhỏ nhất Iznik Gölü 198km² và 7 hải đảo, đảo lớn nhất Gökceada có diện tích 279 km² đảo nhỏ Avsar 21 km²

Thổ Nhĩ Kỳ cũng là nơi phải chịu nhiều trận động đất mạnh. Bospho và Dardanelles nằm trên đường nứt chạy xuyên Thổ Nhĩ Kỳ,

dẫn tới việc thành tạo Biển Đen, nhiều trận động đất xảy ra dọc đường đứt gãy thiệt hại. Năm 1999 hai trận động đất mạnh làm rung chuyển miền Tây bắc nước này, làm chết 18.000 người và hư hại nặng.

Khí hậu ôn đới, mùa hè khô, nóng. Mùa đông vùng cao nguyên lạnh ẩm ướt. Nhiệt độ trung bình 20°C. Dân số 74,9 triệu người mật độ trung bình 90/km², 70% là người Thổ; 20% người Kurden và 10% các dân tộc khác, 99% theo đạo Hồi (Muslime) theo phái truyền thống Sunniten (*ahl as-sunna* (أهل السنة).) Theo tài liệu có tất cả 2.562 nhà thờ Hồi Giáo lớn (Moscheen) 215 Nhà thờ Hồi giáo nhỏ (Kleinmoscheen/Mescit)

Trước đây các chính quyền Thổ thường thi hành chính sách độc tài, độc đảng. Năm 1982 Thổ ban hành hiến pháp mới hình thành thể chế chính trị dân chủ đại nghị, tôn trọng các quyền con người, có cơ quan tư pháp độc lập, Tổng thống, Thủ tướng, Quốc hội và Hội đồng Toà án tối cao cùng chia sẻ quyền lực điều hành đất nước.. Thủ đô mới là Ankara, tên trước đây là Angora là trung tâm của Cao nguyên Anatolia ở miền Trung Tây Thổ Nhĩ Kỳ diện tích 2516.00 km² ; 4.104.387 dân số (2009). Nơi đây có các thắng cảnh như Bảo tàng Anitkabir, Bảo tàng Dân tộc Học, Bảo tàng Hội họa và Điêu khắc...

Thủ đô cũ Istanbul hơn 3000 năm văn hóa nổi tiếng nằm bên Bosphorus có cảng tự nhiên gọi là Sừng Vàng? Istanbul từng là kinh đô của 3 đế quốc khác nhau là Đế quốc La Mã (330-395) Đế quốc Byzantine (395-1453) và Đế quốc Ottoman (1453-1923). Istanbul là thành phố đẹp và có nhiều đền thờ nhất trên thế giới với 450 ngôi đền lớn nhỏ, Istanbul được Unesco công nhận là di sản Thế giới. Đền thờ Sultan-Ahmed-Moschee/Sultanahmet Camii từ thời

Sultan Ahmed đệ nhất (do kiến trúc sư Mehmet Aga, bắt đầu xây năm 1609 và hoàn thành năm 1616) toàn bộ các trang trí đẹp nổi lên màu xanh nên có tên Blaue Moschee, phòng cầu nguyện (Gebestsraum) lộng lẫy với 53 m chiều dài và 51 m chiều rộng, gần như vuông, những mái vòm có đường kính 22,2 m. Cao 43m bốn trụ cột đường kính lớn 5m. Tất cả có 260 cửa sổ chiếu sáng qua cửa kính màu thay đổi từ thứ thế kỷ thứ 17. Đức giáo Hoàng Benedict XVI ngày 30.11.2006 đã viếng thăm và cầu nguyện. Tổng thống Obama ngày 5.04.2009 cũng đến thăm nơi này. Istanbul có diện tích 1538,77 km², với hơn 12,8 triệu dân. Có 2 chiếc cầu Bosphorus

(1973) dài 1074 m và cầu Fatik Sultan-Mehmet dài 1090 m, hai cầu này nối liền 2 châu lục: châu Âu và châu Á, được chia làm 3 khu chính. Phần nằm trong khu vực châu Âu lấy ranh giới từ Kim Giáp và được chia làm hai thành phố. Eo Kim Giáp là eo biển nhỏ trông giống như chiếc sừng(Gold Horn), mỗi khi mặt trời mọc hay lặn, eo biển tràn ngập một màu vàng rực rỡ nên gọi là Kim Giáp. Về lưu thông có sân bay quốc tế Ataturk, hai trạm xe bus lớn (Busbahnhöfen) mỗi ngày hơn 15.000 chuyến xe bus di chuyển



trong thành phố, hai nhà ga (Bahnhöfen) hai cảng (Hafen) và hệ thống đường xe (Autobahnnetz), tàu điện chạy dưới lòng đất (U Bahn) tối tân. Istanbul có 4.350 trường học và 2.991.320 học sinh. Trường Đại học nổi tiếng lâu đời Universitesi/Universität Istanbul) được thành lập năm 1453 đến năm 1933 thay đổi theo hệ thống mới, gồm có 16 khoa (Fakultäten) hơn 70.000 Sinh viên và 6.000 khoa học gia, giáo sư và nhân viên, Năm 2010 Istanbul được công nhận thành phố văn hoá của Âu Châu (Kulturhauptstadt Europas)

Hoạt động các chính đảng

Hiện Thổ có đảng chính trị tham chính: Đảng Công lý và Phát triển (AKP), Đảng Nhân dân Cộng hoà (CHP), Đảng Dân chủ cánh tả (DSP), Đảng Con đường chân chính (DYP), Đảng Dân chủ nhân dân (DEHAP),...

Kinh tế phát triển

Tổng giá trị gia tăng của nền kinh tế GDP (*Gross Domestic Product*) giá trị thị trường tính theo chỉ số 8393 USD. Trình trạng lạm phát cao, tiền mới 1 đồng Lira = 100 Kurus. Thổ Nhĩ Kỳ có một nền kinh tế kết hợp giữa công nghiệp và thương nghiệp hiện đại với nông nghiệp và thủ công truyền thống. Ngành công nghiệp quan trọng nhất là ngành dệt, may mặc, kỹ nghệ làm da, đan thảm và du lịch. Công ty nước ngoài được hoạt động tại Thổ Nhĩ Kỳ, phần lớn từ các nước EU. Tình hình kinh tế ở Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn một khoảng cách lớn giữa phương Tây công nghiệp hóa và công nghiệp hiện đại (51,6% xuất cảng sang EU, 46% hàng nhập cảng từ EU).

Sản phẩm công nghiệp: Hàng dệt, điện tử, thực phẩm, xe, khoáng sản có sắt, thép (Eisen), bạc (Quecksiber) than đá (Kohle) lưu huỳnh (Schwefel) dầu khí (Erdöl), đồng. Sản xuất giấy, gỗ xẻ, v.v..

Sản phẩm nông nghiệp: Thuốc lá, ngũ cốc, ô liu, củ cải đường, đậu, cam quýt; gia súc: bò, cừu, dê, gà (không nuôi heo)

Hệ thống lưu thông: Thổ Nhĩ Kỳ có tổng chiều dài 413.724 km. Trong số này, 62.000 km đường giao thông nông thôn, 350.000 km là đường làng và 1.800 km đường xa lộ và tiếp tục mở rộng. Đường sắt phần lớn tồn tại từ cuối thế kỷ 19. Chiều dài là 10.500 km, trong đó khoảng 20% hoạt động bằng điện. Bờ biển dài hơn 7200 km có 156 cảng, tiềm năng của các tàu trọng tải cao hơn 300 tấn.

Các hãng hàng không: Thổ Nhĩ Kỳ Airlines (THY, Turk HAVA, Yollari..) được thành lập vào năm 1933 cho đến những năm 1990 độc quyền trong ngành hàng không. Hiện nay thêm số hãng hàng không tư nhân: Atlasjet,

Fly, MNG, Onur, SunExpress). Thổ Nhĩ Kỳ có 117 sân bay, trong đó 15 là sân bay quốc tế, sân bay Atatürk lớn nhất với 23.000.000 hành khách (2007) Antalya với 17.000.000 hành khách (2007) các sân bay khác là của Izmir (Adnan Menderes Havalimani) và Ankara (Esenboğa). Một số sân bay quốc gia như ví dụ Denizli Çardak...

Phong tục về lễ Hôi

Ramadan (رمضان / *ramađan* / "Sommerhitze") là những ngày cầu nguyện để được "sự nhân từ của Allah" (God's Mercy) suốt một tháng lễ này, tất cả các tín đồ đạo Hồi không ăn, không uống, không hút thuốc... nghĩa là không được đưa bất kể thứ gì vào miệng (kể cả không sinh hoạt tình dục), nhưng chỉ áp dụng vào ban ngày từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn mà thôi. Theo lịch lễ Ramadan:

Năm 2010 từ ngày 11. August đến ngày cuối lễ 09. September

Năm 2011 từ ngày 01. August đến ngày cuối lễ 30. August

Sinh hoạt đời sống: người Thổ khi chào một người bạn thân dù nam hay nữ đều sử dụng cả hai tay hoặc hôn vào cả má. Khi ngồi nói chuyện hai chân nằm trên mặt đất, không nên để lộ để giày hoặc chân hướng vào người đối diện, không nên khoanh tay trước ngực khi tiếp xúc nói chuyện với người ta, và bỏ tay ra khỏi túi quần, không được hỷ mũi nơi công cộng cần phải có khăn che lại. Không nên hôn, ôm hoặc thậm chí là bắt tay ai đó khác giới nơi công cộng. Chỉ ngón tay hướng vào người nào đó được xem là cử chỉ thô lỗ, nếu mời ai phải đưa cả bàn tay. Đi tắm (hôi) Hamam phải mang theo khăn hoặc mặc quần, Nam Nữ tắm riêng *vấn đề hôn nhân:* Lập gia đình phải thuộc đạo Hồi, nếu sống ở Đức đôi khi cũng có trường hợp ngoại lệ, phong tục xưa phải nhờ mai mối, mẹ chồng phải đi tắm với cô dâu tương lai hay sơn móng chân... ngày nay không còn phổ thông nữa cha mẹ gả con gái thường cho nữ trang. Ngày lễ rước dâu đơn giản chú rể cùng gia đình mang xe hoa rước dâu lễ vật là nữ trang và tiền.

Các con cháu trong gia đình đàn gái, giăng dây trước cửa đòi tiền “cheo” để cho chú rể vào nhà (nhưng họ không quá nhiều lễ nghi như người Việt chúng ta có đầy đủ mâm, quả, rượu, bánh, trái cây đôi khi có con heo quay). Họ rước dâu về nhà theo phong tục đạo Hồi là mời giáo sĩ Hồi giáo đến, hai bên trai gái phải có người làm chứng để đọc kinh Coran, lễ kết hợp vợ chồng, ngoài ra còn có thủ tục ký giấy hôn thú ở phòng hộ tịch (Standesamt). Lễ cưới gia đình hai bên thường mời rất đông khách có thể trên 1 ngàn người trong những hội trường (Saal) lớn nên chỉ có những bàn và ghế dài, tiệc cưới đơn giản nửa con gà nướng một ly nước, họ uống rượu Rake, hát nhạc Thổ, đàn ông nhảy với nhau, quà cưới bằng hiện kim khoảng 50€ hay nữ trang. (riêng người Đức lễ cưới chỉ tặng bông và thiệp chúc mừng)

Cuộc sống có sinh có tử, người Thổ sống làm việc có tài sản nhà cửa ở nước ngoài, nhưng lúc qua đời đều đưa quan tài về mai táng tại quê nhà, nên nghiã trang ở Đức không có mộ phần của người Thổ. Trong các nền văn hóa Hồi giáo, việc cắt bao quy đầu được thực hiện như là một phần của một nghi lễ phong tục. “Thủ thuật circumcision chỉ việc cắt bỏ lớp da để cho đầu dương vật hoặc âm vật lộ ra. Bao da quy đầu là một cấu trúc bọc bên ngoài của cơ quan sinh dục nam và nữ. Đây là nếp gấp da trên phần cuối dương vật và bao quanh âm vật, việc giải phẫu cắt bao quy đầu là một nghi thức bắt buộc”. Ở nhà quê không có bác sĩ thì có người chuyên môn cắt cho con trai, lễ cắt da này được mời nhiều người tới ăn mừng. Nhiều nơi còn giữ phong tục con gái phải cắt” da quy đầu âm vật, gọi là labioplasty hoặc vaginoplasty” âm thầm không tổ chức tiệc mừng như con trai. Con gái phải giữ sự trinh tiết trước khi lập gia đình.

Hệ thống Giáo dục

Giáo dục là bắt buộc 7 đến 15 tuổi phải đi học, nhưng tỷ lệ người Thổ còn mù chữ (đàn ông 6,65 đàn bà 23,5%). Thổ có 85 Đại học công lập (2.294.707 Sinh viên), tiền học phí trung trung hàng năm khoảng (300-1000€) và

31 đại học tư thục (124.507 Sinh viên) phải đóng tiền học từ (4100-10.000€). Sinh viên ngoại quốc 16.328 người

Có 64 viện nghiên cứu nghiên cứu khoa học kinh tế, nông nghiệp, lâm nghiệp, y tế, công nghiệp sinh học, kỹ thuật hạt nhân, khoáng chất, vật liệu, IT và quốc phòng. và 4 Học Viện Quân sự (Militärakademien) và một Học Viện Cảnh sát (Polizeiakademie) ...

Thời ở Việt Nam chúng ta học Thế giới sử biết về Thổ Nhĩ Kỳ một phần, nhưng chưa có cơ hội đến thăm xứ sở, tiếp xúc về sinh hoạt văn hoá, phong tục, tập quán của họ. Ở Đức thường thấy đàn ông Thổ Nhĩ Kỳ để râu, mặc áo Veston không thắt Cà vạt, trên tay cầm chuỗi hạt màu đen dài có 33 hạt (hoặc 99 hạt), phần lớn các bà nội trợ trùm khăn khi ra ngoài

Những người đến từ Thổ Nhĩ Kỳ làm việc khắp nơi, đủ các thứ ngành nghề trong xã hội. Người Đức gọi họ là những khách thợ. Thời Đế nhị thế chiến nước Đức bị tàn phá, sau khi chấm dứt chiến tranh không đủ người xây dựng lại quê hương. Chính phủ Đức mời những người khách thợ từ Thổ Nhĩ Kỳ sang làm việc, những người đầu tiên đặt chân đến quê hương này được tặng bông hay một chiếc xe gắn máy làm phương tiện.

Những người khách thợ từ Thổ Nhĩ Kỳ đã đóng góp mồ hôi để phục hồi kinh tế, xây dựng nước Đức hẳn nhiên họ đi làm lãnh lương. Tiền lương này so với đời sống ở Thổ thì khá nhiều. Họ đi làm ở Đức về Thổ trở thành triệu phú chủ nhân ông nhiều tiền „*vai mang túi bạc kè kè nói lếu nói láo người ta nghe rầm rầm*“.

Chính phủ Đức với chương trình đón nhận thành phần lao động vào làm việc, theo thời gian và luật pháp qui định gia đình đoàn tụ, nên những người khách thợ này đã mang gia đình sang sinh sống và lập nghiệp tại Đức, ngày nay dân số Thổ Nhĩ Kỳ tăng hơn 3 triệu người sống khắp nơi. Họ sinh hoạt đoàn kết với bản sắc văn hoá giống bên Thổ Nhĩ Kỳ. Trường hợp skandal cô Sibel Kekilli 23 tuổi sinh ở Heilbronn đã đóng film khỏa thân „Tierisches Teenie-

Reiten“, Sibel là diễn viên chính, xuất sắc trong phim „Gegen die Wand / Chống lại bức tường „, đạo diễn Fatih Akin cũng người Thổ trưởng thành tại Hamburg-Altona (phim dài 121 phút được giải con gấu vàng Goldenen Baeren der Berlinale). Phim diễn tả bi kịch đời sống xã hội, lịch sử tình yêu hạnh phúc không đoạn kết ...Giải thưởng là một danh dự lớn, nhưng ngược lại cộng đồng Thổ Nhĩ Kỳ phản nộ về việc cô Sibel đã từng đóng các phim không „nghiêm túc“. Ông Mehmet 44 tuổi là thân phụ cô Sibel phải xin lỗi việc gây tổn thương danh dự về Tôn giáo của dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ, ông tuyên bố từ bỏ con gái đã vượt qua bức tường giáo dục gia đình... Dù vẫn minh phát triển nhưng còn một phần tử nhỏ trong cộng đồng người Thổ bảo thủ cưỡng bức con cái lập gia đình theo quyết định của cha mẹ, đôi khi đánh đập con gái đã gây ra những án mạng đau buồn.

Các cơ sở thương mại của Thổ thường tập trung từng khu buôn bán đồ thủ công nghệ, rau trái cây, nhiều mặt hàng khác nhau. Các thành phố lớn người Thổ có trường học riêng theo chương trình giáo dục của Âu châu. Một vài Moschee được xây cất nguy nga tráng lệ, phát hành nhật báo, nguyệt san... Nhà văn Orhan Pamuk nhận giải Nobel Văn học 2006 tên thật Ferit Orhan Pamuk, sinh ngày 7 tháng 6 năm 1952 tại thành phố Istanbul một trong những nhà văn Thổ nổi tiếng nhất, được trao giải vì trong quá trình đi tìm hiểu “tâm hồn u uẩn, sâu muợn của thành phố quê hương” đã đặt ra những vấn đề bản sắc, cá nhân và dân tộc, phát hiện ra những biểu tượng của sự xung đột, trộn lẫn giữa nhiều nền văn hóa, phản ánh những mâu thuẫn giữa các giá trị Đông và Tây, giữa truyền thống văn hóa Hồi giáo và những thách đố đặt ra cho một xã hội muốn vươn lên thành một nước phát triển và hội nhập với thế giới mở bên ngoài.

Thiếu số người Đức nhìn người Thổ không được trọng, bởi vì họ là những người khách thợ

xuất thân từ nhiều thành phần trong xã hội... Dù thể hệ thứ 2 hay 3 của người Thổ đã hội nhập vào đời sống Đức nhưng vẫn còn những nét dị biệt ... Hàng năm vào đầu tháng 7 và tháng 8, những gia đình Thổ đều trở về quê hương trong thời gian con cái nghỉ hè 6 tuần. Những chuyến bay sang Thổ lúc nào cũng bận rộn, nhiều gia đình Thổ lái xe về quê xa trên 3000km

Đời sống kinh tế ở Âu Châu và Đức đi xuống, làn sóng chống ngoại quốc nảy sinh, dù không ầm ỹ nhưng cũng là đợt sóng ngầm! Thiếu số quá khích trong xã hội thường có thân phận với người ngoại quốc, trong đó có thân phận của chúng ta! Nếu không có biển số 30.4.1975 chúng ta không bỏ nghề nghiệp, tài sản, quê hương ra đi làm người viễn xứ! Nhưng buồn thay ngày nay nhà cầm quyền Việt Nam xuất cảng người đi lao động cùng phong trào lấy chồng ngoại quốc khắp nơi trên thế giới như mua bán nô lệ, họ bị bóc lột và phẩm giá không được tôn trọng! Riêng ở Đức sau khi thống nhất Đông Tây Đức, đã có hơn 40.000 người Việt từ các nước Đông Âu sang Đức xin ở lại. Dù là thiếu số từng buôn thuốc lá, tổ chức đường dây buôn người bất hợp pháp ... thời gian vừa qua đã trồng cây cần sa (Cannabis) ở ngoại ô thành phố Nürnberg và Würzburg bị bắt trong khi người Thổ không làm những việc này.

Chúng ta là người Việt tỵ nạn dù ở Đức hay bất cứ quốc gia nào trên thế giới, nhưng thân phận mình so với người Thổ, họ còn may mắn hơn bởi vì họ có quê hương độc lập, tự do và dân chủ, được hưởng quyền lợi của một công dân, có tài sản và tài sản đó được luật pháp bảo vệ, dù họ mang quốc tịch Đức, nhưng chúng ta chỉ là „*khúc ruột ngàn dặm*“ *mời đọc tiếp phần II*

Tài liệu tham khảo

Lexikon der Geschichte Orbir Verlag
Das neue Universal Lexikon Bertelsmann (2009)
Hình trên Internet và của tác giả.

CHO EM MÙA HẠ

Dặm dài phơi nắng mặt ong
Em vui theo lũ sen hồng rực quê
Ao sâu, nước mát gánh về
Tắm chi, em để hương thể thoảng bay
Cau trầu thương tráp nhớ khay
Anh xa mùa cưới, nhớ người vóc thon
Nhớ mi rung cánh bướm non
Mềm tay phẩy quạt, xinh tròn đôi vai
Sáng hàm răng, cong nét mày
Thuốt tha áo lụa lối dài trắng sao.

Nhà em ở tận gò cao
Vòng đồng trước ngõ, soạn đào trong sân
Tháng tư, mùa hạ đến gần
Hoa chanh nhỏ nụ, rau cần xanh ao.
Cho em mùa hạ nắng đào
Mít xoài chín ngọt, hương cau dịu lành
Bốn bề rẫy biếc, nương xanh
Chiều oi nồng ngọt bát canh rau giền
Cho em mùa hạ ngoan hiền
Bóng cây tỏa mát đường lên cổng chùa
Tháng năm về hái ổi chua
Lối qua, em lỡ bỏ bùa cho ai...
Cho em tháng hạ ngày dài
Sông xa nước ngập, ngọt lời ca dao
Ngồi sương móc, mát mưa rào
Lúa khoai lớp lớp, cỏ lau trùng trùng
Cho em mùa hạ riêng chung
Con ve say nhạc, cái ong say tình.

Nhớ nhung từng thoáng rợn mình
Dậy khơi trí tưởng bóng hình xa xăm
Ngoan ngoan võ giấc đêm rằm
Nửa khuya trở giấc, quanh mình ngập trắng.

HỒ TRƯỜNG AN

(France)



ĐƯỜNG CÙNG

Em cười úp mặt vào tôi
Tôi cười úp mặt vào nơi tương phùng
Một nơi em rất ngại ngùng
Tôi năn nỉ tới đường cùng mới cho

Phan Khâm

(Maryland)

Hồi Ký hay Hạnh Phúc Tuyệt Vời?

(Lời Bạt cho tác phẩm “NHỮNG NĂM THÁNG TUYỆT VỜI” của Kim-Vũ)

Diệu Tần

* Một trong các nhà văn, nhà thơ ở hải ngoại được du hành di chuyển nhiều nhất phải kể đến tác giả Kim-Vũ. Nghề có trong tay phải từ bỏ, kiến trúc sư học xây cất dinh thự, lầu đài 5 năm tại Hoa Kỳ, rồi sang tu nghiệp bên Hòa Lan. Rồi có nhiều cơ hội đi quan sát, dự hội nghị ở Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba, Đài Loan, Nhật Bản, vv... Kim-Vũ mới trình làng hồi ký “**Những Năm Tháng Tuyệt Vời**”. Sách thơ, truyện của tác giả không chú trọng tới bề dày, số trang. Sách in sáng sủa, không có lỗi chính tả, bìa màu trang nhã.

* Thời thanh xuân bay đi khắp nẻo, giờ đây con chim bỏ xứ không xây dựng bằng chất liệu xi măng cốt sắt. Nghiệp viết lách là tiếp tục tung cánh để xây dựng lầu đài tình ái, và xây dựng một chỗ đứng trong văn đàn bằng ngòi bút, bằng máy vi tính. Lầu đài tình ái vì dường như Kim-Vũ muốn ghi đậm nét người hôn phối qua những tựa đề thơ văn các tác phẩm đã và sẽ ra mắt như “**Trăng Mặt Thiên Niên Kỷ**”, “**Tình Anh Như Thê Đầy**”, “**Khi Yêu Em**”, và hôm nay, “**Những Năm Tháng Tuyệt Vời**”?

* Trong 6 tác phẩm đã ra mắt độc giả, Kim-Vũ đã có những vần thơ có hồn. Đặc biệt là truyện ngắn tác giả sở trường viết truyện không cần có cốt truyện, lại rất sành phân tích, mổ xẻ tâm lý, cái nội tâm con

người tự mâu thuẫn với chính mình. Ở đây là tập ghi chép chuyện rong chơi, không có hư cấu, không tưởng tượng, không cường điệu, không nhân cách hóa. Ở đây ghi lại “**những năm tháng tuyệt vời**” đầy hạnh phúc. Ở đây có cả hồi ức tuổi nhỏ, pha lẫn một chút địa dư, lịch sử, văn hóa địa phương và như một bản hướng dẫn du lịch qua 20 nước, kể cả Hoa Kỳ và Việt Nam.

* Trong thể loại hồi ký du lịch, nên “**người tình chưa có chân dung**” nay đã xuất hiện rõ là “**người vợ có chân dung**” qua nhiều tấm ảnh in trong sách. Vốn là một nhà kiến trúc, tác giả đã có những nhận xét về những công trình xây dựng nổi tiếng thế giới như đền đài, thành trì, dinh thự, hệ thống giao thông. Kim-Vũ đã xử dụng một văn phong thích hợp là giản dị, chân phương, dễ hiểu với nhiều hồi ức và ý kiến về nhạc, họa, mỹ thuật của các danh lam thắng cảnh.

* Sắp đến tuổi thất thập, chắc tác giả sẽ còn nhiều dịp đi xa thỏa mộng hải hồ. Bởi đi là sống đầy đủ, đi là già, đi là thu thập được nhiều chất liệu để sáng tác. Vào buổi hoàng hôn cuộc đời tại sao không sống thoải mái, rũ hết ưu phiền, quên đi những rắc rối, những gió tanh mưa máu!

Độc giả sẽ chờ đón những tác phẩm mới của nhà văn nhà thơ Kim-Vũ.

DIỆU TẦN (California)

DU NGOẠN NƯỚC ÚC

(MELBOURNE, SYDNEY, CANBERRA)

(THÁNG 12, 2009)

Kim-Vũ

*Thăng đường qua Úc
Melbourne, Sydney*



Sydney Opera House, Úc (2009)

Kim qua thăm tôi từ đầu tháng 10 thì đến đầu tháng 12, 2009, chúng tôi cùng đi Úc, đất nước lớn nhất của châu Đại Dương. Riêng tôi vẫn từng khao khát được thấy tận mắt *Sydney Opera House*, là một công trình kiến trúc rất lạ thường, nằm ngay tại một

mòm đất dẫn vào thành phố từ vịnh *Port Jackson*, một vũng nước rộng lớn mở ra đại dương bát ngát.

Trước hết, xin giới thiệu sơ lược về nước Úc. Đó là một quốc gia phát triển cao, diện tích đất là 7.6 triệu cây số vuông, phần lớn là sa mạc, chỉ có một dải dọc bờ biển tây nam và một vùng đất nằm về phía đông nam là màu mỡ, với khí hậu ôn đới dễ chịu mà thôi. Từ trên 40 nghìn năm trước, đã có những thổ dân sinh sống ở đây thuộc giòng *Melanesian*, da ngăm ngăm đen, trong những điều kiện còn rất bán khai. Đến đầu thế kỷ 17, vài dân tộc văn minh của *Âu châu* mới bắt đầu mò tới lục địa to lớn này. Người *Hòa Lan* đầu tiên khám phá ra vùng đất phía tây và bắc vào năm 1606, đặt tên là *New Holland*, nhưng lại không có cố gắng nào đem dân đến khẩn hoang lập nghiệp. Phải đến năm 1770, thuyền trưởng *James Cook* của *Anh* thám hiểm và lập bản đồ cho vùng đất phía đông nam ven biển, đặt tên là *New South Wales*, và công bố chủ quyền cho *Vương quốc Anh*, thì người *Anh* mới manh nha ý định khai thác. Thoạt đầu, mục đích mới chỉ là đưa những tù nhân lưu đày biệt xứ đến cho khỏi bận lòng chính quốc. Nhóm lưu dân đầu tiên đổ bộ xuống đất liền thuộc vùng *Port Jackson* đã được chở đến đây bằng một hải thuyền dưới quyền điều khiển của *Arthur Phillip* vào ngày 26 tháng 1 năm 1788. Dần dần, với thời gian, tình trạng thay đổi, ngày càng có nhiều

người đến lục địa này từ *Châu Âu* cũng như các quốc gia khác. Đến năm 2009 thì dân số toàn nước *Úc* đã lên tới 22 triệu người, sinh sống phần lớn ở những trung tâm thị tứ dọc bờ biển. Đất nước theo chế độ dân chủ đại nghị pha quân chủ lập hiến, vẫn còn nhận *Nữ Hoàng Elizabeth II* của *Anh* là *Nữ Hoàng Úc*. Việc cai trị nằm trong tay *Thủ Tướng* là lãnh tụ chính đảng có nhiều ghế nhất trong *Hạ Viện*. Toàn quốc có 6 bang và hai khu vực đặc biệt gọi là *Lãnh Thổ (Territory)*, cùng vài vùng đất phụ thuộc nhỏ khác. Mức sống rất cao, lợi tức một hộ cá nhân trung bình những năm gần đây lên tới gần 40 nghìn *Mỹ Kim*. Khu vực kinh tế quan trọng nhất là dịch vụ, chiếm đến 69% Tổng Sản Lượng Quốc Nội, gồm du lịch, giáo dục, và những dịch vụ tài chính. Nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên chỉ chiếm có 3% Tổng Sản Lượng, nhưng lại đóng góp rất lớn cho lượng hàng xuất khẩu, gửi sang *Nhật Bản*, *Trung Hoa*, *Hoa Kỳ*, *Nam Hàn*, và *Tân Tây Lan*.

Xin trở lại chuyến đi của chúng tôi. Khởi hành vào khoảng mười giờ tối ngày 2 tháng 12 từ *San Francisco* trên chuyến bay của hãng hàng không *United Airlines*, sau mười bốn tiếng đồng hồ chúng tôi mới tới *Sydney*, rồi tiếp đó lại đáp một chuyến bay khác đi thẳng tới *Melbourne*, là trạm đầu của cuộc du hành. Đến nơi vào khoảng buổi trưa ngày hôm sau, nhưng vì đổi giờ giữa *Thái Bình Dương*, nên giờ tại *Melbourne* là gần trưa ngày 4 tháng 12.

Được đưa về khách sạn *Elizabeth Tower* gần trung tâm thành phố, ngay chiều hôm đó chúng tôi đã hỏi dò và đáp xe buýt xuống khu *Việt Nam*, có tên là *Footscray*, thấy không

có gì đặc sắc nổi bật so với những nơi tập trung dân *Việt* tại *Mỹ* như *Westminster*, *San Jose*, hay *Houston*. Xe buýt đi rất tiện lợi, nhưng cũng giống như bên *Anh*, ở *Úc* phải lái xe tay trái thay vì tay phải. Cũng mừng là tôi khỏi phải lái xe. Sáng hôm sau, bắt đầu cuộc hành trình đi du ngoạn *Melbourne*. Vì không có họ hàng bè bạn gì bên *Úc*, nên chúng tôi đã mua một chuyến bao trọn gói của hãng *CYC*, là một công ty du lịch người *Hoa* hoạt động mạnh tại *Úc*.



Khu Trung Tâm Thương Mại ở Melbourne (2009)

Người hướng dẫn đưa chúng tôi đi thăm *St. Paul*, một nhà thờ *Anh giáo* ngay trung tâm thành phố, rồi tiếp đến là vườn hoa *Fitzroy*, một công viên khá đẹp và lớn, có cái nhà gỗ của thuyền trưởng *James Cook*, người khám phá ra và vẽ đầy đủ bản đồ phân đất phía nam và đông nam của *Úc châu* và xác lập chủ quyền trên phân đất này cho nước *Anh*. Căn nhà đã được di chuyển từ nước *Anh* và dựng lại giữa công viên cho du khách đến thăm. Gần đó là *Nhạc Viện* khiêm nhường với tượng đồng và vòm nước trước mặt khá mỹ thuật. Chúng tôi cũng thấy nhiều tín đồ *Pháp*

Luân Công tập luyện theo tiếng nhạc thanh thoát, và vài người khác phân phát tài liệu cho du khách lên án nhà cầm quyền *Trung Quốc* đàn áp pháp môn của họ.

Tiếp đó là đi thăm khu *Chinatown*, kéo dài khoảng bốn khúc đường thành phố dọc *Lt. Bourke Street*, thấy ngay nét đặc sắc của văn hóa *Trung Hoa*, cửa nhà ngăn nắp thứ tự dù con đường thật nhỏ hẹp.

Dùng cơm trưa xong, xe *car* đưa chúng tôi ra bờ sông *Yarra* tham dự một chuyến du ngoạn trên sông bằng tàu đò, chui qua những cây cầu thật thấp, tường nóc tàu có thể đụng dạ cầu bất cứ lúc nào. Sông không lớn lắm, chạy giữa trung tâm thành phố nên phải có nhiều cầu bắc ngang cho tiện việc lưu thông xe cộ. Thấy không khí cũng tựa tựa như tại *Paris* hay mấy nước *Trung Âu*, nhưng kiến trúc hai bên không có cái nét cổ kính mỹ thuật của thời hoàng kim kiến trúc *Âu châu*, mà phần lớn chỉ có những tòa nhà hiện đại thiếu cá tính. Dù sao, cũng có thể thấy thành phố này phát triển rất mạnh, vì những kiến trúc to lớn san sát bên nhau.

Sau đó, chúng tôi leo lên tầng lầu 55 của một cao ốc có tên là *Rialto Towers*, cao 253 thước tây, từ đó có thể nhìn bao quát khắp xung quanh. Tôi thật ngạc nhiên thấy *Melbourne* rộng mông mênh với rất nhiều cao ốc ở khắp tứ phía. Về nhà tìm hiểu mới biết *Melbourne* không tầm thường như mình tưởng. Đây là thành phố lớn thứ hai của *Úc*, dân số lên đến gần 4 triệu người, đã là một thành phố giàu có và thịnh vượng đáng kể từ thời có vụ đổ xô đi tìm vàng của dân tứ xứ vào khoảng năm 1850. Đã có một thời gian dài, *Melbourne* đóng vai trò thủ phủ của

nước *Úc*, cho đến khi *Canberra* được thiết lập vào đầu thế kỷ 20 để làm thủ đô cho toàn đất nước. Vào năm 1956, *Thế Vận Hội Quốc Tế* đã diễn ra ở nơi đây, và chỉ đến những năm 70 của thế kỷ trước, *Melbourne* mới phải chính thức nhường ngôi chủ soái cho *Sydney*. Dù vậy, thành phố này vẫn được *Liên Hiệp Quốc* công nhận như một trong những thành phố văn hóa của thế giới. Kỹ nghệ phim ảnh và âm nhạc của *Úc* tập trung ở đây, và rất nhiều sinh hoạt văn học nghệ thuật cũng chọn thành phố này làm bản doanh. Về khía cạnh tài chánh ngân hàng, thì rất nhiều cơ sở lớn của quốc gia cũng như quốc tế đặt trụ sở trong thành phố, và đây chính là trung tâm tài chánh cho toàn vùng *Á châu-Thái Bình Dương*. Thành phố cũng là nơi có hệ thống xe điện quy mô nhất thế giới, và thêm vào đó là hệ thống xe buýt và xe hỏa nối với khu ngoại ô. *Melbourne* có một thương cảng lớn vào bậc nhất hoàn cầu, đặt ở *Vịnh Port Phillip*, một vịnh thiên nhiên ở cửa sông *Yarra*. Hai hãng xe hơi *Ford* và *Toyota* có đặt ở đây những nhà máy sản xuất xe hơi rất lớn. Về du lịch thì vào năm 2004 có đến 7.8 triệu du khách nội địa và 9 triệu du khách quốc tế ghé thăm. Trong tương lai, kế hoạch của chính quyền bang *Victoria* là biến *Melbourne* thành trung tâm hội nghị quốc tế cho toàn thế giới. Về thể thao thì cũng có nhiều giải quốc tế diễn ra ở đây, như giải *golf*, giải *tennis*, vv... Chính tại nơi này mà danh thủ *Tiger Woods* đã bắt đầu quá trình xuống dốc không phanh vì dính líu tình ái lãng nhãng.

Sau khi viếng thăm tòa nhà *Rialto* xong, chúng tôi đã được dẫn đi thăm *Crown Casino*,

là một sông bài lớn rất tráng lệ nằm ngay trung tâm thành phố, để xem những con bạc ăn thua đủ trong những cuộc đỏ đen. Tiếp đó và buổi chiều, chúng tôi được đưa đến *Phillip Island*, cách xa thành phố khoảng hai tiếng đồng hồ xe về hướng đông nam. Đây là nơi tối tối khoảng 9 giờ, có diễn ra cái gọi là *Penguin Parade*, với những đàn xí nga lội lên bờ từ biển và vào khu đất đồi, nơi có xây dựng một trung tâm nuôi dưỡng chúng và cho du khách vào xem. Đêm hôm đó trời hơi lạnh, tuy mùa này là mùa hè tại Úc. Chúng tôi chờ đợi cho đến khuya mới thấy những bầy xí nga nhỏ xíu xuất hiện trong ánh sáng lò mờ, chân đi lạch bạch thật ngộ nghĩnh. Có lẽ con trung bình chỉ nhỏ như con vịt con, trông ngo ngác thật tội nghiệp.

Cuộc đi chơi kéo dài khá khuya, và khi xe đưa chúng tôi về tới khách sạn thì đã khoảng 11:30 đêm, quả là một ngày mệt mỏi, chúng tôi ngủ thật say, nhưng hôm sau đã phải sẵn sàng lên xe đi tiếp từ 7:40 sáng.

Đúng giờ, xe đến đón để đưa chúng tôi trên một cuộc hành trình dài về hướng tây *Melbourne*, đầu tiên là thăm mỏ vàng khai thác vào khoảng giữa thế kỷ 19 gọi là *Sovereign Hill*, nằm trong một nơi có tên là *Ballarat*. Nơi đây đã diễn ra một cuộc nổi loạn vào khoảng năm 1850 để chống lại sự bóc lột của những người điều hành mỏ lấy tiền thuế quá đắt mà lại không cho quyền đại diện, làm cho những người lao động nghèo khổ mãi vàng gặp quá nhiều khó khăn. Thấy việc đào mỏ thời xưa quả là cực nhọc. Có một chi tiết thú vị là vào lúc đó đã có những người lao động *Trung Hoa* đến đây làm việc, và họ sống quây quần trong một

khu riêng gọi là *Chinese Camp*, có thể nói là khu *ghetto* của ngọn đồi.



Cảnh “12 Tông Đồ của Chúa” gần *Melbourne* (2009)

Buổi chiều, chúng tôi tiếp cuộc hành trình trên xe *car* lâu khoảng bốn tiếng dọc một con đường nổi tiếng gọi là *Great Ocean Road*, mới tới được một thắng cảnh đặc sắc ở phía nam dọc bờ biển, có tên là “12 *Apostles*”, nằm trong một công viên có tên là *Port Campbell National Park*. Khu này cách đây 10 đến 25 triệu năm vốn là một vùng biển nằm trong đất liền. Những loài sinh vật đại dương chết đi trộn lẫn xác với đất trầm tích tạo ra một hỗn hợp rất giàu chất vôi, là chất kết dính làm cho đất đá được gắn liền với nhau. Khu này trước kia có tên là “*Heo Mẹ và Bầy Heo Con*”, với hòn đảo lớn nhất có tên là *Mutton Bird Island* là *Heo Mẹ*. Những hòn khác nhỏ hơn là những chú heo con. Gần đây thì khu vực được đổi tên thành “12 Tông Đồ của Chúa” hầu thu hút du khách dễ hơn. Những núi đá này rất mềm, hình thù cổ quái nằm ở biển nhưng khá gần bờ, nơi cũng có

núi đá với những lần ngang nhiều nếp do sự xói mòn của thiên nhiên qua rất nhiều thiên niên kỷ. Được biết, mỗi năm tại nơi này lại bị xói mòn đi mất 2 cm. đất đá, nên có thể trong một tương lai nào đó tất cả sẽ chìm sâu trong lòng biển cả. Những hòn đá chơ vơ giữa biển gần bờ, mỗi hòn có hình dạng khác nhau, và nhìn từ trên cao xuống, thấy quả là hùng vĩ. Nước biển ở đây cũng rất trong và xanh ngắt ngát, quả là một cảnh quan gây nhiều cảm hứng. Chúng tôi thấy cuộc hành trình dài và mỏi mệt cũng được đền bù xứng đáng. Về đến khách sạn cũng khoảng 8:30 tối.

Có hai điều tôi muốn nói thêm về *Melbourne*. Thứ nhất, do điều kiện khí hậu rất đặc thù, *Melbourne* là nơi mà trong một ngày có thể diễn ra khí hậu cả bốn mùa, dù nhiệt độ trong mùa hè chỉ biến thiên giữa 14 độ và 25 độ C mà thôi. Thứ hai, du khách vừa bước chân xuống phi trường là đã được một bầy ruồi nhỏ bay đến nghênh đón, đậu bừa bãi trên mặt trên mũi, gây phiền hà không ít cho con người, ngay cả ở những nơi gần sát biển như khu thắng cảnh vừa kể trên con đường đại dương kỳ vĩ.

Sáng hôm sau, cũng khoảng 7:40, chúng tôi lại lên xe, lần này thì rời *Melbourne* để đi *Sydney*. Đường đi rất tốt, xe chạy rất êm, nhưng phải gần 11 tiếng đồng hồ sau mới tới được thành phố cảng nổi tiếng này. Dọc đường, nhìn hai bên thấy toàn đồng cỏ, không thấy có nhiều trang trại gì cả. Tuy nhiên, màu xanh của đồng cỏ trông thật đẹp và mát mắt.

Đến *Sydney* thì trời đã gần tối. Trước khi vào thành phố, xe chui qua một loạt những hầm *tunnel* thật dài đèn điện sáng trưng,

thấy Úc quả là hiện đại không kém bất cứ quốc gia tân tiến nào trên thế giới.

Khách sạn mà chúng tôi cư ngụ có tên là *Metro Hotel Sydney Central*, nằm gần khu *Chinatown*, về phía nam khu trung tâm mục đích quốc tế, gần cảng *Darling Harbour*, cảnh quan thật ôn ào náo nhiệt. Ngay tối hôm đó chúng tôi đã tản bộ quanh khu vực, và kiếm được một tiệm ăn *Việt Nam* có tên là *Minh Hải*, nằm trên một con đường chính gần khách sạn. Đồ ăn không đến nổi tệ, tuy không thể ngon bằng đồ ăn hàng quán ở *San Jose*.

Ngay sáng hôm sau, chúng tôi đã được dẫn đi *Canberra*, thủ đô của nước Úc, nằm cách *Sydney* khoảng 4 tiếng đồng hồ xe về phía tây nam, trong một khu vực riêng biệt có tên là "*Australian National Capital Territory*", cắt ra từ một phần đất phía nam bang *New South Wales* nhưng khá gần bang *Victoria*. Đây là thành phố hành chính, được chọn làm thủ đô ngay sau ngày 1 tháng 1 năm 1901, khi sáu bang kết hợp với nhau thành liên bang Úc, cộng thêm hai lãnh thổ, trong đó *Lãnh Thổ Thủ Đô Úc* là một. *Canberra* là một thành phố được quy hoạch từ khởi thủy và xây dựng theo đúng đồ án thiết kế, có dân số chỉ độ 300 nghìn người, trông khá buồn tẻ. Tuy nhiên, cũng có hai nơi đặc sắc. Thứ nhất là *Corkington Green Gardens*, một khu vườn không lớn lắm nhưng rất dễ thương, có rất nhiều mẫu kiến trúc tí hon nằm giữa những vườn cây *bonsai* thật xinh xắn, tái tạo lại những kiến trúc của nước Úc cũng như nhiều nơi khác trên thế giới, với những hồ và thác nhân tạo tí hon nước xanh trong vắt, trông thật đẹp. Trong những mô



Vòi Nước Phun ở hồ nước trung tâm Canberra (2009)

hình thu nhỏ này, đáng chú ý nhất là phiên bản tái tạo *Borobudur*, một công trình mỹ thuật Phật giáo Đại Thừa quy mô đã được dựng lên ở miền trung đảo *Java*, *Nam Dương*, vào khoảng năm 800 sau công nguyên, gồm sáu nền vuông ở dưới và ba nền tròn ở trên, tượng trưng cho ba cõi *dục*, *sắc* và *vô sắc giới*, được trang hoàng bởi 2672 phiến phù điêu và 504 bức tượng Phật. Một vòm cầu đặt ở chính giữa nền cao nhất được bao bọc bởi 72 tượng Phật ngồi trong những phù điêu có lỗ thông thoáng. Một học giả và nghệ sĩ người *Hòa Lan* có tên là *Nieuwenkamp* vào năm 1930 đã đưa ra giả thuyết cho rằng đây là tượng trưng cho một bông hoa sen mọc trên một mặt hồ, và nhiều nghiên cứu sau đó đã cho thấy quả thật trước kia, khu vực này đã là

một vùng trũng nước rộng lớn mà ngày nay đã khô cạn hết. Hiện nay, hàng năm vẫn có rất nhiều Phật tử, nhất là ở *Indonesia*, đến hành hương tại thắng tích kỳ vĩ này.

Nơi đặc sắc thứ hai ở *Canberra* là một cái hồ cực lớn nằm ngay giữa thành phố, có một vòi nước phun cao ngất, xung quanh hồ là những thảm cỏ xanh rờn, trông thật êm đềm.

Phần còn lại của thành phố không có gì xuất sắc, kể cả tòa nhà quốc hội xây cất tốn kém nhưng tầm thường về mặt mỹ thuật.

Khuya hôm đó, chúng tôi mới về lại được *Sydney*, để ngày hôm sau mới thực sự là ngày du ngoạn đầu tiên tại thành phố đặc sắc này. Trước hết, lại xin được lược qua vài nét chính nói lên cái đặc sắc của thành phố lớn nhất nước *Úc*.

Sydney bắt đầu được thành lập từ ngày 26 tháng 1 năm 1788, thoạt đầu chỉ là một nơi lưu đầy những tội phạm tại nước *Anh*. Thuyền trưởng *Arthur Phillip* phụ trách công việc đưa tù sang vùng đất mới này cũng đóng vai viên chức chính phủ đầu tiên cai trị dưới quyền ông. Thoạt đầu, nhà cầm quyền ở *Anh* chẳng để ý gì tới đám dân khốn khổ, và đã có những lúc thuộc địa tưởng như bị hủy diệt. Nhưng rồi mọi sự cũng qua đi, *Sydney* phát triển dần dần, và cho đến nay thì dân số đã lên tới khoảng 4.4 triệu người, với một mức sống rất cao là khoảng 42 nghìn Mỹ Kim/năm thu nhập cho một hộ cá nhân, và giá nhà trung bình lên tới nửa triệu Mỹ Kim. Nên kinh tế dựa chính vào khu vực dịch vụ và mậu dịch tài chánh. *Sydney* đứng thứ 14 trong 50 thành phố tài chánh lớn nhất

toàn thế giới, nơi có trụ sở Ngân Hàng Dự Trữ toàn nước Úc và thị trường chứng khoán Úc, nơi lập đại bản doanh của 90 ngân hàng quốc tế, trong đó có Citigroup của Mỹ và Deutsche Bank của Đức, cũng như đại bản doanh của 500 công ty đa quốc. Đây cũng là một trung tâm du lịch lớn, với 7.8 triệu du khách nội địa và 2.5 triệu du khách quốc tế vào năm 2004, là một cái nôi của thời trang và những công nghệ cách tân, cũng là nơi diễn ra Thế Vận Hội vào năm 2000 và Rugby World Cup vào năm 2003. Khí hậu ở đây rất ôn hòa, nhiệt độ trung bình biến thiên từ 14 độ bách phân vào khoảng tháng 6 hay mùa đông, và 21 độ bách phân vào tháng 12 tức là mùa hè, dù đã có lúc nhiệt độ lên tới 45 độ bách phân vào tháng 1 năm 1939. Người Việt sống ở Sydney lên tới trên 62 nghìn, hơn ở Melbourne chỉ có 58 nghìn, tập trung ở một khu vực thuộc ngoại ô có tên là Cabramatta, với rất nhiều nhà hàng và tiệm ăn Việt, Thái, Lào và Trung Hoa, đến nỗi người du khách chẳng thấy một chữ Anh nào trong tên các bảng hiệu nữa. Thành phố tiếp tục lớn mạnh, và hiện nay đang xúc tiến dự án biến Sydney thành một đô thị với nhiều biến cố lớn của New South Wales (Events New South Wales) về văn hóa, âm nhạc và nghệ thuật. Triển vọng tương lai rất sáng sủa.

Quay lại chuyến du lịch của chúng tôi. Đầu tiên, hãng du lịch đưa chúng tôi đi tới Featherdale Wild Life Park, là một khu vực không lớn lắm nhưng có trưng bày những con thú đặc sắc của riêng châu Úc, như đại thú (kangaroo), koala, wombat, vv... Chúng tôi cũng hài lòng, vì tới Úc châu mà không được

nhìn tận mắt những con vật này thì kể như là chưa biết gì về lục địa vậy.

Tiếp theo, xe chở chúng tôi đến Blue Mountains, là một rặng núi cao nằm không quá xa thành phố. Chúng tôi leo lên skyway là một loại xe treo trên dây cáp để qua phía bên kia của núi, vượt một vực sâu thăm thẳm, để từ phía bên kia núi có thể thấy ba tảng đá mọc kế cận, có tên là Three Sisters, trông như ba chị em đứng cạnh nhau.

Tiếp đó, chúng tôi lại dùng xe cable car đi sâu xuống vực phía dưới, nơi có con đường đi vòng vèo qua khu khai thác than đá xưa kia, một chuyến đi khá thú vị.

Sau đó, xe lại đưa chúng tôi đi động Canolan, là một động thạch nhũ nằm nơi cuối một con đường ngòng ngoèo thật hẹp, ở đó chúng tôi được nhìn ngắm những loại thạch nhũ kỳ kỳ thật phong phú. Cuối chuyến đi, chúng tôi còn xem một bộ phim trên màn ảnh Imax, là một màn ảnh thật lớn, cảnh thiên nhiên chiếu trên đó trông thật hùng vĩ. Chúng tôi thấy những thanh niên thanh nữ trẻ thám hiểm, đi sâu vào những vực có thác nước đổ ào ào, hoặc leo lên những vách đá thật cheo leo, thấy người Úc quả cũng có tinh thần phiêu lưu mạo hiểm đáng nể phục. Ở trên lục địa này, người ta đã khám phá ra một loại cây có từ thời những con khủng long mà ngày nay có nguy cơ bị triệt hạ.

Hôm sau là chuyến du ngoạn quanh thành phố, bắt đầu bằng Bondi Beach, một bờ biển có hình cong nhẹ nhàng tương tự như Nha Trang, nhưng nhỏ hơn nhiều, từ đó có thể nhìn về phía thành phố xa xa. Tiếp theo, xe đưa chúng tôi tới Sydney Opera House, kiến trúc xuất sắc mà tôi hằng ao ước được

xem. Đây là tác phẩm của một kiến trúc sư người *Dan Mạch* có tên là *Jorn Utzon*, người thắng giải trong một kỳ thi quốc tế vào năm 1955, khi ông mới có 38 tuổi. Kiến trúc có hình dáng rất thanh tú, gồm một kết hợp ba nền phẳng rộng mênh mông màu nâu đỏ bằng bê tông nhám, nền nọ đến nền kia được nối nhau bằng những bậc thang cao đến 25 và 50 bậc. Trên hệ thống nền phẳng hoành tráng này là một công trình mỹ thuật màu trắng và ngà, với những nét cong ra dáng những cánh buồm trắng no gió. Nhìn từ một góc cạnh khác, trông chúng lại giống như một bầy xí nga đang lạch bạch bước bên nhau. Lại từ một góc khác, thấy hình những con sò khum khum. Lốp đá men bọc ngoài cùng của những vòm bê tông cũng có hình dạng như thấy trên vỏ những con sò. Nói chung, nhìn thấy rất đã mắt. Tuy nhiên, việc xây dựng nó đã là cả một kỳ công, và kiến trúc sư có lúc đã chán nản đến độ phải từ chức khỏi cương vị chủ trì của công trình. Dù sao thì cuối cùng, công trình vẫn được hoàn tất, tuy không được như đồ án ban đầu, nhưng kết quả cũng vẫn là phi thường, và kiến trúc này đã trở nên biểu tượng đương nhiên cho thành phố cũng như cho *Úc châu*, cùng với cầu *Harbour Bridge*, là một chiếc cầu hình vòng cung thanh mảnh hòa hợp rất mỹ thuật với *Nhà Hát Con Sò*.

Chúng tôi bắt đầu được chiêm ngưỡng những kiến trúc này khi tham dự một cuộc du ngoạn bằng tàu trên *Vịnh Port Jackson*, khởi hành từ một bến cảng gần đó. Cuộc du ngoạn khá tốn kém, nhưng đã phục vụ một bữa ăn đáng giá, với tôm tươi luộc, thịt bò, thịt gà, sà lách, tráng miệng ê hề.

Ngay từ lúc khởi hành, tôi đã có thể quay phim được *Nhà Hát Con Sò* từ nhiều góc cạnh khác nhau, và khi trời trưa hôm đó cũng thật mát mẻ dễ chịu. Thật là một kinh nghiệm đáng nhớ.

Khi tàu du ngoạn trở về, chúng tôi được đưa ngay đến nhà hát để có thể nhìn ngắm từ mọi phía và nghỉ ngơi thăm thú công viên gần kề. Trời mát tuyệt vời, chúng tôi thật vui thú.

Sau khi chiêm ngưỡng thật đã con mắt *Nhà Hát Con Sò*, chúng tôi được xe *car* đưa đến *McQuaries Point*, nằm trong *Vườn Bách Thảo Hoàng Gia*, từ đó có thể thấy toàn cảnh *Vịnh Port Jackson*, cũng như hai thắng cảnh khét tiếng bên bờ *Vịnh*, biểu tượng đương nhiên của *Sydney* cũng như của toàn nước *Úc*.

Phần cuối của ngày, chúng tôi được đưa đến *Darling Harbour*, trên một cái vịnh nhỏ có tên là *Cockle Bay* với những tàu đò qua lại, quanh đó là cả một khu giải trí náo nhiệt, nơi có nhiều quán hàng ăn uống vui chơi, các cửa tiệm bán đồ lưu niệm, *Aquarium*, *Wild Life World*, *National Maritime Museum*, *Convention Centre*, *Exhibition Centre*, cả một *ferris wheel*, và một khu vườn *Trung Hoa* nữa. Bao quanh khu này là những cao ốc mỹ thuật, những khách sạn sang trọng của các tập đoàn như *Novotel*, *Ibis*, vv... Khách bộ hành đi lại tấp nập, ăn mặc "à la mode", trông thật là mát mắt.

Ngày hôm sau đã là ngày rời *Sydney* để trở lại *Hoa Kỳ*. Nhưng vì máy bay cất cánh vào buổi chiều, nên buổi sáng chúng tôi lại tiếp tục đi thăm một số nơi khác. Đầu tiên, chúng tôi đến vườn *Hyde Park*, nằm về



Vườn Trung Hoa phía trước Khách Sạn Novotel (2009)

phía nam của Vườn Bách Thảo Hoàng Gia. Ở đây có những hàng cây xanh lá dẫn đến một vòi nước với những tượng điêu khắc mỹ thuật của một điêu khắc gia người Pháp. Nhìn từ xa về phía vòi nước, tôi có cảm tưởng như tượng đài là một con mãng xà khổng lồ đang phun nọc độc.

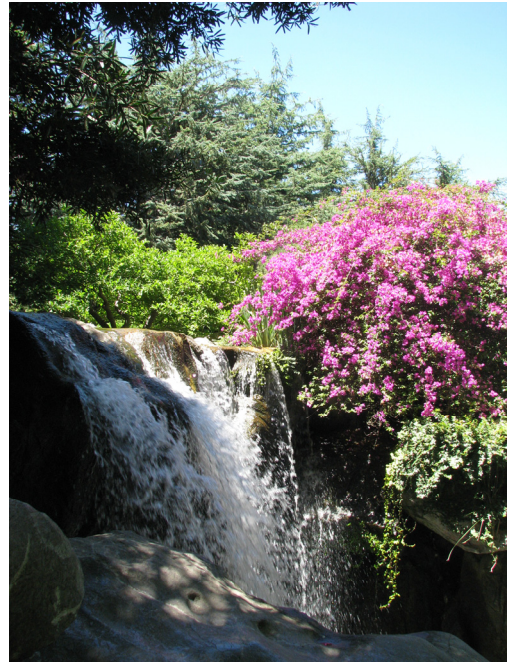
Tiếp đó, chúng tôi trở lại Darling Harbour để vào thăm khu vườn Trung Hoa. Khu vườn thật đẹp, với những hàng liễu rủ tha thướt, những hồ có đá tảng xung quanh, những thác nước cạnh những cây hoa rực rỡ. Thật là một nơi an bình nằm ngay giữa thành phố ồn ào nhộn nhịp, đem lại cho tâm hồn sự yên tĩnh tuyệt vời.

Rời vườn, trên đường về, chúng tôi mới khám phá ra một khu chợ rộng mênh mênh, gọi là Hay Market, ở đó có đủ loại hàng quán, từ những sạp hàng nhỏ như ở chợ Bến Thành Sài Gòn bán đồ lưu niệm, đến những cửa hàng bán đồ hàng hiệu sang trọng của Âu châu. Cũng lại có một khu bán đồ ăn ở tầng 3 gọi là food court, với những cửa hàng xung quanh và

khu ngồi ăn cho khách ở giữa, tựa như Lion Plaza ở San Jose nhưng lớn hơn. Tuy nhiên, đồ ăn không thấy có gì hấp dẫn. Chúng tôi gọi một tô mì hoành thánh và một tô phở tại một cửa hàng do người Hoa trước ở Phnom Penh làm chủ, ăn chẳng ra gì mà lại mắc.

Trưa hôm đó, xe đón chúng tôi đưa ra phi trường để đáp máy bay trở lại Hoa Kỳ, kết thúc một chuyến đi nhiều hứng thú.

Chúng tôi đã thật ưng ý với cuộc du lịch này. Chỉ tiếc rằng vì thời giờ giới hạn, chúng tôi đã không thể ghé khu Việt Nam tại Cabramatta, cũng như thăm Taronga Park Zoo về phía bắc, và The Royal National Park không quá xa về hướng nam. Nếu đi được đây đủ như thế, chúng tôi có thể sẽ hoàn toàn hài lòng.



Thác nước trong Vườn Trung Hoa, Sydney (2009)